

Mỹ-nữ Tân-văn

XUẤT BẢN NGÀY THỨ NĂM ^{Nº A-1198}



Phân son tô điểm sơn-hà
Làm cho rõ mặt đàn-bà nước Nam

TÒA-BÁO

(RÉDACTION ADMINISTRATION)

Nº 48, Rue Vannier, Nº 48

SAIGON

27/01/33
11-1-33
[Signature]

SÁCH "GIA CHÁNH"

Có bán tại báo quán **Phụ-nữ Tân-văn**. Sách này chia làm 4 phần :

Phần thứ nhất. — Chỉ cách nấu lồi một trăm món ăn thường. — 20 món đồ bát. Ít món đồ chay.

Phần thứ nhì. — Chỉ cách làm 80 món bánh và 30 món mứt.

Phần thứ ba. — Bàn về cách sắp đặt cỗ bàn, việc ăn, cách chưng dọn, cách tiếp đãi vân vân.

Phần thứ tư. — Phụ thêm mục **gia đình thường-thức** để giúp chị em việc vật-vạnh trong nhà.

Sách in giấy thiết tốt đẹp đẽ dời, bìa sách lại chính tay nhà nữ mỹ-thuật là cô Lê-thị-Lựu tốt-nghiep trường Mỹ-thuật Hanôï vẽ giúp.

Giá bán mỗi cuốn : 0\$ 80

Còn vị nào ở xa muốn mua xin gửi mandat theo thư phụ thêm 0\$ 20 tiền gửi và để cho **Phụ-nữ Tân-văn** Saigon, thì sẽ tiếp được sách.

Đi chụp hình mà không đèn

Photo Dakao

thiết là đáng tiếc

Vì **PHOTO DAKAO** chụp hình đã khéo mà giá lại rẻ hơn các nơi

Cứ lại ngay **PHOTO DAKAO** ở ngang gare Dakao

CẤM TRÍCH LỤC CÁC BÀI VỞ ĐĂNG TRONG **PHỤ-NỮ TÂN-VĂN** MÀ IN LAM SÁCH
(DROITS DE REPRODUCTION RÉSERVÉS)

PHU NỮ TÂN VĂN

Năm thứ năm, số 185 — 12 Janvier 1933

Chủ-nhơn : **Mme Nguyễn Đức Nhuận**
Chủ-nhiệm : **M. Nguyễn Đức Nhuận**
Báo-quán : **48, Rue Vannier Saigon**
Số đăng nôi : **566, Saigon**
Đặt thếp tại : **Phunutanvan Saigon**

GIÁ BÁO — Một năm 6\$00 — Sáu tháng 3\$50 — Ba tháng 1\$80 — Mua báo phải trả tiền trước, thư từ và mandat xin gửi cho **M. Nguyễn-Đức-Nhuận** chủ-nhiệm **Phụ-nữ Tân-văn**, 48, Rue Vannier Saigon.

YẾU MỤC

1. — Thế nào cũng phải lập "Nhà nghỉ đêm". — P. N. T. V.
 2. — Thời-sự Đoàn-binh : I. II.
 3. — Người Pháp dịch Cung-oán : Ông G. CORDIER
 4. — Dạy tiếng Pháp ở lớp Tiểu-học. — ĐỒNG-LƯU
 5. — Chỗ sai lầm trong bài ông Tịnh-Xuân. — KHẢ-GIA
 6. — Con chiến cái của cụ Séguin. — P. D. NGUYỄN
- VĂN-UYỄN — TIN TRONG NƯỚC — TIỂU-THUYẾT VÀ PHẦN-NHI-ĐỒNG

THẺ NÀO CŨNG PHẢI LẬP "NHÀ NGHỈ ĐÊM"

Một điều trông mong ở các vị chủ phở



Trong số báo kỳ trước, cũng nơi mục này, chúng tôi có đem cái vấn-đề lập "Nhà nghỉ đêm" (asile de nuit) mà nhắc với độc-giã.

Đại-y chúng tôi cho rằng ở vào giữa buổi kinh-lẽ khủng-hoảng, số người thất-nghiep mỗi ngày một nhiều như buổi này, thì việc lập "Nhà nghỉ đêm" thật là khẩn-thiết và nên làm hơn ở lúc nào hết thấy.

Sau khi số báo ấy đã ra rồi, thì có nhiều bức thư của anh em lao-động ở Saigon-Cholon và các miệt phụ-cận gửi đến đề hường-ưng và có ý khích-lệ chúng tôi về việc lập "Nhà nghỉ đêm".

Bởi vậy, hôm nay chúng tôi xin phép độc-giã cho nói trở lại cái việc quan-hệ ấy một lần nữa.

Trong mấy bức thư đã gửi đến, xem qua có nhiều người thi biểu-đồng-tình với Bồn-báo, nói rằng giữa lúc này mà bàn về việc lập "Nhà nghỉ đêm" thì chẳng còn chỉ thích-hiệp bằng ; có người tỏ ý than-phiền tức giận, nói rằng một công việc như thế, kẻ cũng chẳng phải to-lát khó-khăn gì cho lung lăm, thế mà ở Saigon này, từ các đoàn-thể lớn nhỏ cho đến các tư-nhơn, lại không có ai đứng ra mà làm được ! Có nhiều người lại đem kể với chúng tôi những nông-nỗi thống-khổ của hạng nghèo khổ không nhà, từ mai đến tối, suốt ngày lẫn đêm, lúc nào cũng vẫn lang-thang lưới-thưới, nằm ngời vất vả dựa theo những lề chái bỏ hoang, hoặc ở các chỗ nhà ga góc chợ.

Sau lại, theo như ý nhiều người khác, thì bấy giờ đây, nếu có được những "Nhà nghỉ đêm" lập ra theo như kiểu **Phụ-nữ Tân-văn** đã nói chuyện đó, thì cái phước-trạch sẽ dồi-dào cho hạng người vô-gia cư nghệ-nghiep, sự đó đã đành rồi, nhưng mà sự lợi ích của "Nhà nghỉ đêm" cũng sẽ thấm-thập đến hạng người lao-động làm ăn nữa. Sao vậy ? — Vì hiện nầy, nếu ta đề ý quan-sát, thì có một số rất đông anh em chị em lao-động bằng tay chừa, nhà cửa ở xa châu thành, nên mỗi ngày đi làm việc, đến trưa



phải ở nghỉ luôn tại Saigon; thành-thứ trưa nào ta cũng thấy ở trước mấy cái hàng ba của mấy hàng với ở dưới bóng cây ngoài đường người ta chen nhau mà nằm nghỉ.

Đối với hạng người làm ăn mà nghèo khổ ấy, chúng ta há lại chẳng nên kiếm chỗ mà che mưa che nắng cho họ kéo tới nghiệp sao? Nếu nhận là nên là phải, thì khi nào « Nhà nghỉ đêm » đã thành-lập, ban đêm thì chứa hạng người không chỗ an thân, mà lúc trưa, thì tưởng nên để dành làm chỗ nghỉ trưa cho hạng người lao-dộng đáng thương như vừa mới nói đó. Như vậy thì việc lập « Nhà nghỉ đêm » thành ra nhứt cử lưỡng đắc, cho nên lại càng là một việc đáng làm lắm vậy.

Trên đó là đại-lược những ý-kiến của đồng bào ở trong mấy bức thư mà Bồn-báo đã tiếp được. Bấy nhiêu cũng đủ chứng tỏ ra rằng bàn về việc lập « Nhà nghỉ đêm » ở giữa hồi kinh-tế khuôn-bách này, thật chẳng khác nào như gãi trứng vào chỗ ngứa của xã-hội, đến nỗi tiếng hô-hào của chúng tôi đó vang dội mạnh hơn là chúng tôi không dám dự tưởng. Mấy hôm nay, cứ mỗi khi ngồi mà xem lại những bức thư của độc-giả hưởng-ứng về việc lập « Nhà nghỉ đêm », thì chúng tôi bất-giác bồn-khoăn trong tắc lòng... Người xưa có nói rằng « ở đời nên để dành một hàng nước mắt đừng khóc những việc lớn mà không thể làm » (一副淚泣天下大事不可爲) nhưng nghĩ lại cái việc lập « Nhà nghỉ đêm » này cũng chưa phải là việc to-tát khó-khăn gì mấy, nếu trước khi chưa thử làm cho biết sức, chúng ta đã chịu ngồi khoanh tay rẽ, nhìn ngó cái vết thương trong xã-hội mà ứa hai hàng nước mắt, thì chẳng cũng bạc-tài và đáng thẹn lắm ru ? !...

Không cần nói chắc độc-giả cũng biết rằng gần đây đồng-nhơn chúng tôi mắc bận về công việc hội « Dục-anh » ở Cầu-rạch-Bần, nếu gánh vác nhiều việc một lần thì sợ e không kham với nghĩa-vụ, thành-thứ trong bài trước, chúng tôi có ý mong mỗi việc lập « Nhà nghỉ đêm » nơi một đoàn thể lớn ở ta đây, là hội « Xã-hội Cứu-tế ».

Nhưng nay nghĩ lại thì việc đã là việc khẩn-thiết, nếu cứ ngồi mà bàn suông nói dóc hoài và lần lựa mong chờ bên tả bên hữu, thì chẳng hóa ra cũng có-phụ với lòng trông đợi và sự khuyến-khích của anh em chị em ?

Vậy nên trót đã đến ra thì phải vác, báo Phụ-nữ đã bàn đến vấn-đề lập « Nhà nghỉ đêm », anh em chị em đâu đó đều hô lớn lên rằng việc ấy rất là cần kíp, thì dầu không đủ sức, Phụ-nữ chúng tôi cũng xin thử nghĩ cách để thiệ-hành.

Song cũng bởi tự tri rằng mình không đủ sức, nên hôm nay Bồn-báo mới xin nhơn-danh anh em chị em nghèo khổ mà kêu gọi tấm lòng từ-thiện của các ông chủ phố ở trong châu-thành.

Vì sao mà Bồn-báo lại phải làm rộn đến mấy ông ?— Vì theo con mắt chúng tôi trông thấy thì hiện nay những phố bị bỏ trống chẳng thiếu gì, có nhiều căn thấy bỏ đã gần trót năm rồi mà vẫn chưa ai mượn. Chúng tôi rất trông mong rằng trong những chủ có phố bị bỏ trống đó, nếu có ông bà nào nhìn nhận việc lập « Nhà nghỉ đêm » là chánh-đáng, thì sẽ vun trồng quả phước, rộng mở lòng nhơn mà chịu cho mượn không một căn phố để làm « Nhà nghỉ đêm », chứ đừng lấy tiền mượn. Nếu ông bà nào giàu lòng trắc-ân được như vậy, thì xin cứ viết thư hoặc kêu đây thép nói cho chúng tôi hay, chúng tôi sẽ xin công bố tin mừng lên báo-chương một cách rất trân trọng. Ông hay bà chỉ chịu cho mượn căn phố không là đủ rồi, đến như sự tổ-chức bên trong làm sao cho thành cái « Nhà nghỉ đêm » xứng đáng, thì ấy là về phần Phụ-nữ chúng tôi nhận lãnh.

Chắc các ông các bà đã có thấy các báo hằng ngày đăng tin ông Sáu Nhiều ở ta phát chẩn 5.000 đồng mới rồi. Cái gương ấy làm cho chúng tôi tin rằng trong các chủ phố Annam ta chắc có lắm người có thể làm như ông Sáu Nhiều hoặc hơn ông Sáu Nhiều kia nữa !..

P. N. T. V.



THỜI SỰ' ĐOÀN BÌNH

Té ra về việc bỏ chữ Hán, các ông Dân-biểu cũng đồng một ý-kiến với Phụ-nữ Tân-văn

Bộc-giả còn nhớ rằng sau khi đã đăng cái tin ông Phạm-Quỳnh được vời về kinh để sung chức Đồng-lý Ngự-tiền văn-phòng rồi, thì tờ báo này đã liền đem ra bày tỏ với Phạm tiên-sanh một cái ý-kiến mà chúng tôi vẫn cho là quan-hệ : ấy là việc xin bỏ hẳn chữ Hán đi đừng dùng quốc-ngữ và chữ tây mà thế vào trong các công-văn ở Trung-kỳ.

Chúng tôi cho việc bỏ chữ Hán ấy là khẩn-thiết và có quan-hệ cho sự lẫn-hóa của nhơn-dân Trung-kỳ nhiều lắm, vì rằng hiện nay ở ngoài ấy khoa-cử đã bãi lâu rồi, trong dân không còn ai cho con học chữ Hán làm chi nữa ; mà về phương-diện quan-trưởng, thì những quan-lại do Hán-học xuất thân cũng mỗi ngày một « rui » lần và bị thay thế bởi những ông quan tân-ban, nghĩa là những người chữ tây giỏi, mà chữ tàu thì vẫn không biết mấy chữ. Như thế, sự dùng chữ Hán trong công-văn chẳng những có hại cho nhơn-dân rất nhiều mà bất-tiện cho quan-lại cũng chẳng ít, thì còn tiếc gì mà chẳng bỏ quách nó đi đừng dùng chữ quốc-ngữ ?

Phương chi, vua Bảo-Đại vốn là một vị đế-vương tân-học thứ nhứt của nước ta, thì há lại chẳng nên nhơn dịp Ngai mới lâm-chánh này mà thiệ-hành việc dùng chữ quốc-ngữ trong các công-văn là một việc cải-cách có-lẽ khiến cho thần dân cảm bội và ghi nhớ lấy ơn vua một cách lâu dài ?

Trên đó là tóm-tắt những ý-kiến mà chúng tôi đã bày tỏ trên mấy cột báo này vừa rồi. Không dè mới đây xem trong báo « Thanh Nghệ Tĩnh Tân-văn » thấy có đăng tin rằng chiều hôm 17 Novembre 1932, nhơn lúc Hoàng-thượng ngự tại hành-cung Nghệ-an, mấy ông Trung-kỳ nhơn-dân đại-biểu ở tỉnh này là MM. Trần-bá-Vinh, Nguyễn đức-Lý, Nguyễn-văn-Tĩnh, Nguyễn-tiến-Phiên được phép vào yết - kiến riêng. Ông Trần - bá - Vinh có dâng

Hoàng-thượng mấy bài thỉnh-cầu, trong đó có một bài xin bỏ chữ Hán đi mà đừng dùng trong các công-văn nữa.

Đại-đề thì mấy ông Dân-biểu Trung-kỳ cũng viện những sự lý giống như chúng tôi vừa mới nói qua ở trước đó. Nhưng cứ theo lời mấy ông Dân-biểu thì trước kia trong quan-lại đã có người tỏ ý phản-đối về việc xin bỏ chữ Hán :

« Năm kia chúng tôi đã nhắc đến vấn-đề giảm chữ Hán trong công văn, thì có một vị quan-lại « nói bộ luật là mạng-mạch của dân, mà bộ luật Gia-long toàn là chữ Hán, nên phải dùng chữ Hán mà « xử kiện, chứ đem dịch ra quốc-ngữ thì sai ý-nghĩa « bộ luật ấy đi, không tránh khỏi những điều lầm lạc mà « dân thân-oán ».

Nhưng mấy ông Dân-biểu Trung-kỳ bèn cãi lại rằng :

« ... Khi ấy, chúng tôi cũng có phần cho là phải : « nhưng nay nhơn liện Chánh-phủ giao cho quan chánh-lòa án Collet sửa bộ luật Gia-long lại cho « hiệp với trình-độ nhơn-dân. Bộ luật mới ấy là « chính quan Collet làm ra chữ tây là bản chánh, « mà dân không biết chữ tây nên phải dịch lại chữ « quốc-văn là cố-nhiên rồi, chứ có lẽ gì lại đem dịch « lại chữ Hán nữa? Dịch qua, dịch lại mấy lần như « thế, thật không tránh khỏi sự lầm lạc như lời nói « của một vị quan đã nói trên vậy. Chúng tôi xin « Chánh-phủ đừng dịch bộ luật tốt lành ấy ra chữ « Hán làm gì nữa, thì mới mong có ngày giảm chữ « Hán đi ngõ cho nhơn-dân nhờ được các điều « liện lợi. »

Sau khi biểu-đồng-tình với mấy lời chánh-đáng của các ông Dân-biểu Trung-kỳ trên đó, chúng tôi xin nói thêm rằng trước đây sở-dĩ chúng tôi đã đem cái ý-kiến dùng quốc-ngữ trong công văn này mà thưa chuyện với ông Phạm-Quỳnh, là vì chúng tôi vẫn không quên rằng trước khi làm loi ở triều Huế, Thượng-Chi tiên-sanh vốn xưng mình là « tôi của quốc-văn » ; cho nên thiệ-tưởng mỗi khi có cơ-hội làm cho quốc văn ta được vẻ-vang và thêm có thế-lực, chắc tiên-sanh cũng không nỡ bỏ qua vậy. Mong thay !..

PHỤ NỮ TÂN VĂN

**Một cái ý-kiến rất ngộ nghĩnh;
Một công-việc rất nên làm.**

Phụ-nữ Tân-văn từ ngày ra đời đến nay, đối với nhứt-thiết những công việc từ-thiện trong xã-hội, vẫn hằng lưu-tâm và khích-thích luôn luôn. Ngoài những việc do chúng tôi đã đề-xướng ra, như việc lập Học-bổng, việc lập văn Dục-anh và mới đây, như việc lập « nhà ngủ đêm », việc lữ-chức « ngày vui của trẻ con nhà nghèo », v. v... thì đối với những công việc từ-thiện do các bạn đồng-nghiep khác đề-hào, hễ mỗi khi thấy việc gì chánh đáng, chúng tôi cũng vui lòng hưởng-ứng và tán-thành luôn.

Nói thế là để cho độc-giả khỏi lấy làm lạ mà thấy hôm nay chúng tôi tán-đồng với một cái ý-kiến của báo Công-luận.

Số là trong dịp lễ Noel mới rồi, báo Công-luận có phát-biểu một ý-kiến rất ngộ nghĩnh, tức là việc làm ra « Cây mùa xuân ».

Cây Mùa Xuân là gì?

— Theo phong-tục bên tây, mỗi năm đến lễ Noel tức ngày 25 Decembre, người ta có bày ra cây Noel (l'Arbre de Noel), là một cái cây hoặc làm bằng giấy, hoặc làm bằng nhánh thông, trên có treo đủ những áo quần và đồ chơi cho con-nít.

Thường năm, cứ đến lễ Sanh-nhật (Noel) thì các hội Phước-thiện họ bày ra « cây Noel » để cho con nít nhà-nghèo được hưởng lì món đồ chơi cho khỏi buồn khổ tủi. Vì con nít nhà có tiền, đến lễ này bao giờ cha mẹ, không nhiều thì ít, cũng có mua sắm cho đồ này, đồ khác.

Ở ta đây, mỗi năm nhà xạc tây ở Saigon cũng đều có bày ra « cây Noel » để lữ đồ chơi cho con nít.

Còn bên Pháp, ngày 24 Decembre, là ngày quan Giám-quốc dựng một « cây Noel » cực kỳ tốt đẹp, rồi quĩ-tự năm ba trăm con-nít của các hàng binh-dân đi theo cha mẹ về lữ đến Elysées mà uống trà ăn bánh dâng lữ đồ chơi luôn thể.

Ấy đó, cái ý-nghĩa của « cây Noel » của tây đại-lược là vậy.

Bây giờ bạn đồng-nghiep của chúng tôi ở đường Pellerin cũng muốn cho ta bắt chước theo cái mĩ-tục ấy của người phương tây và mỗi năm cứ gần đến Tết, thì bày ra một cây gọi là « Cây Mùa Xuân » để phân phát đồ chơi và quần áo cho trẻ em nhà nghèo ở xứ mình.

Báo C. L. có tỏ ý trông mong hội S. A. M. I. P. I. C. sẽ đứng ra mà làm việc này tại Saigon trước để treo gương cho các hội từ-thiện ở Lục-tinh.

Đó cũng là một cái ý hay; song theo chúng tôi

cạn nghĩ, thì nếu như hội S. A. M. I. P. I. C. (Đức trí Thế-dục) mà không làm, thì các báo quốc-ngữ Saigon này cũng có thể làm được, miễn chúng ta nhìn nhận đó là một việc nghĩa đáng làm và tổ chức đồng-làm với nhau là đủ.

Thật vậy, nếu như các báo, báo nào cũng đều chịu khó phải người đến các hiệu buôn tây nam mà xin mỗi hiệu một lì món đồ chơi, đến các tiệm may, các trường dạy nữ-công nữ-nghệ, cùng các cô các bà có tiền mà xin mỗi chỗ một lì nón giầy, quần áo con-nít, thì chúng tôi thiết-tưởng nội trong ít ngày cũng đủ để làm một « cây mùa xuân » rồi, chứ chẳng cần phải tốn tiền chi cả. Đến lúc đã có sẵn đồ rồi, nếu không thể nào dựng c y ấy tại Nhà Hội Annam được, thì chúng ta sẽ kiếm một miếng đất trống khác trong thành-phố, tưởng cũng chẳng khó gì.

Trong dịp Tết năm nay, con-nít nhà nghèo chắc sẽ bị buồn tủi hơn mấy năm nhiều lắm, bởi vậy nên chúng tôi rất lấy làm hoan-nginh cái ý-kiến của C. L. và mong rằng các bạn đồng-nghiep ta nên bỏ hết tư-tâm tư-kiến và hiệp sức mà thiết-hành việc lập « Cây Mùa Xuân » để làm phước kéo ướng.

Phương chi, suốt một năm nay, các báo hằng ngày cứ thấy gây lộn chửi lộn nhau hoài, thiết là đắc tội với xã hội nhiều lắm, thì nay gần hết năm, há lại chẳng nên làm một việc có ích để chuộc tội bớt sao? !...

ĐÃ ĐỌC "PHỤ NỮ TÂN VĂN"

|| mà không đọc ||
|| « Số Mùa Xuân » ||

của « Phụ-nữ Tân-văn »
thì thiết là ướng.

Đã đọc « Số Mùa Xuân » mấy năm

☒ mà không đọc ☒

|| « Số Mùa Xuân » năm nay ||
|| thì lại càng ướng hơn nữa ||

Xin nhắc cho độc-giả nhớ rằng đúng ngày 19 Janvier này thì « Số Mùa Xuân » của Phụ-nữ Tân-văn sẽ ra mắt các bạn.

Lê-Mai, văn-sĩ của binh-dân?

Của THẠCH-LAN

Trước đây vài năm, tôi có dịp nói chuyện cùng ông Lê-Mai tại Saigon. Tôi bảo ông ta câu này: « Nếu anh quá-vãng thì tôi sẽ lượt thuật tiểu-sử của anh. »

Sáng hôm nay, xem báo, thấy tin ông đã từ-trần, tôi vùng nhớ lại câu nói đùa ngày xưa. Thiết ra, lai lịch xã-hội cùng với thân-thể ông Lê có làm cho tôi chú-ý đã lâu. Con người xuất-thân trong đám binh-dân, không từng nhờ được cái học hỏi ở nhà trường mà suốt đời tin ở câu vắn lời nói để kích-thích và huấn-luyện chúng-nhơn, con người ấy đáng cho ta dừng lại trong nửa tiếng đồng-hồ để xét nét.

Tôi chỉ tiếc rằng trong tay không có những sách-vở của nhà văn-sĩ « binh-dân » để phân-tích cho rõ-ràng. Bởi vậy bài này không thể là một bài phê-bình văn-chương; tôi chỉ như dịp này mà tiếp với lời tạt-ho trong bài « văn-chương cảm-tinh » của tôi đăng ở báo này hồi năm ngoái để gián-tiếp gọi những anh em trong trường tranh-dấu « lợi-dụng một buổi nghĩ giữa hai buổi làm công mà trước-tác ».

Lê-Mai, một người văn-sĩ di quốc, áo ngắn, bán hàng ở ngoài chợ: Một điều mới lạ trong xã-hội Annam! Nếu ông Phạm-Quỳnh, là một nhà văn-sĩ « qui-phái » thì Lê-Mai là một nhà văn-sĩ « tiện-phái » hay là binh-dân chăng?

Lê-Mai ở trong đám binh-dân thật. — Chanh vì thế mà chúng tôi chú ý. Nhưng Lê-Mai có phải là văn-sĩ của binh-dân hay không, thì còn phải xem sự-nghiep văn-chương của ông đã. Sống trong hoàn-cảnh binh dân, tự mình cũng là người nghèo, không có quyền-tước, không có tư-biền, Lê-Mai phản-động đối với thời-thế, đối với xã-hội, đối với chế-độ ra thế nào?

Chúng tôi thử thật là nhớ kỹ những trước-tác của ông Lê, không thấy có một lời tức-giận, một chút phản-uất gì cả.

Thường người ta hay tin rằng một áng văn-chương, hay là vô-luận một công-trình mĩ thuật nào (bức vẽ, tượng, bài đờn, vắn vắn) do ở một người có « tâm-sự » làm thời là có giá-trị về mĩ-thuật. Vì Nguyễn-Du có tâm-sự mà truyện Kiều mới làm-lý thống-thiết tuyệt-trần. Tâm-sự

đấy diễn ra lời đích-xác tức là mâu-thuẫn hay là tương-phản.

Nhà triết-học Hegel đã biết nói rằng: xã-hội vì có nhiều mâu thuẫn mà có tranh đấu, vì có tranh đấu mà có tiến-hóa. Cá-nhơn cũng thế: vì trong người có điều mâu-thuẫn (tâm-sự) mà có phản-đấu ở bên trong. Như vậy thì cá-nhơn nào cũng có nhiều mâu thuẫn (tức là tâm-sự) càng dễ tấn-hóa nhiều. Chúng tôi thêm rằng: nhà mĩ-thuật nào có nhiều mâu thuẫn mới phát-biểu ra bằng sự-nghiep cầm-động người ta được. Có người làm cầm-động kẻ khác mà thúc-giục tranh-dấu; có người chỉ cầm mà ru cho người ta ngủ (như Nguyễn-Du) nhưng đầu thế nào, cũng là người nhiều tâm-sự, nhiều tương-phản với hoàn-cảnh thì mới cầm được người đọc, người xem, người nghe sâu xa.

Lê-Mai thấy cảnh khổn cùng, mà phản-động lại chỉ rút có một câu:

Người Annam giúp Annam thời không phải là hiệu-triệu phản-đấu mà năn-nỉ xin đừng; Lê-Mai cũng không hề vẽ cảnh xung-quanh mình bằng những lời văn báo oán; Lê-Mai chỉ muốn làm một nhà luân-lý « khuyên » đời, mà luân-lý của văn-sĩ binh-dân đây là luân-lý thanh-hành trong những nhà thống-trị...

Tuy vậy, Lê-Mai là người thành-thật, vì suốt đời chỉ là một người nghèo. Như dịp ông ấy mất chúng tôi lại gọi những anh em trong đám u-âm sâu-khò và tranh đấu để ý tới công-trình văn-nghiep.

Paris, 27 Decembre 1932
THẠCH-LAN

TIN MỪNG

Bồn-báo mới hay tin rằng đến ngày 14 Janvier 1933, bà sương-phụ Lâm-quang-Vân, diên-chủ ở Trávinh, sẽ đình chữ vu-qui cho ái-nữ bà là cô Lâm-ngọc-Khiêm, sánh duyên cùng M. Lê-quang-Đức, Trang-sư tập-sự tại Tòa-án Paris và là lữ lang của bà sương-phụ Đốc-phủ-sứ Lê-quang-Hiến.

Cô Lâm-ngọc-Khiêm vốn là độc-giã rất yêu quí của Bồn-báo, từ ngày báo mới xuất bản tới nay, mỗi khi Bồn-báo khởi-xướng ra việc gì, như lập Học-bổng, mở Hội-chợ Đẩu-xảo, lập hội Dục-anh văn vắn, cô Lâm đều vui lòng hưởng-ứng và vùa giúp. Hiện nay cô vốn là một Hội-viên rất nhiệt thành sốt sắng của hội Dục-anh vậy.

Như dịp có xuất giá, Phụ-nữ Tân-văn và hội Dục-anh xin chúc mừng cho cô:

Bách niên hảo hiệp như cở sắt cầm.

MỘT NGU'ỒI PHÁP

DỊCH « CUNG OÁN

NGÂM KHÚC » CỦA TA

....Và dần-giải ngợi khen cái áng văn-chương tuyệt-diệu ấy ra thế nào?

Cái vườn văn-chương của ta, so sánh với của người, tuy là vườn mình lơ thơ chật hẹp thật, nhưng chẳng phải là không có một vài thứ cỏ lạ bông thơm, đáng cho mình nhấm-nhía trang-hoàng và đáng khoe để người thường ngoạn. Hình như có nhiều ông hủ-nho cựu-học ta, ôm cái tánh tự kiêu tự-ái thái quá, tưởng rằng đời này là đời tây-học, có lẽ chỉ mình đã được ít nhiều người biết nếm mùi ngon, ngửi hương lạ của văn-chương tây; chứ những chỗ thơm tho tốt đẹp trong văn-chương mình, chắc không có một người tây nào được thưởng-thức. Ấy là một điều tưởng lầm rất lớn.

Nếu trong phái tân-học xứ ta, có những người như các ông Nguyễn-văn-Vĩnh, Phạm-Quỳnh, đã biết tìm tòi lựa chọn văn-chương tư-tướng hay của nước Pháp mà dịch ra quốc-văn cho đồng-bào coi, thì trong phái người Pháp ở đây cũng vậy: họ cũng có người biết tìm tòi lựa chọn mấy áng văn-chương hay của nước Nam xưa nay mà phiên-dịch ra Pháp-văn cho người Pháp đọc. Số người Pháp ấy, không chừng còn đông hơn và giỏi hơn số người mình đối với công việc phiên-dịch văn-chương kia nữa.

Thiệt vậy, xưa nay biết bao là ông cố đạo ra công sưu tầm khảo cứu về văn-chương Việt-nam và dịch ra tiếng-Pháp, in ra thành sách. Thứ mở cái kho đó ra, coi còn được mấy bài văn thơ của ta mà không qua tay các vị thầy tu sưu tầm và chú thích? Coi nội mấy bộ từ-nguyên tự-diễn của các ông ấy làm ra, đã thấy công-phu to-tát, bổ-ích lớn lao ra thế nào? Ngoài phái truyền-giáo ra, còn có nhiều người Pháp vào hàng quan-lai hay là phái học-giã, cũng làm công-việc sưu-tầm phiên-dịch văn-chương Việt-nam nữa. Trong phái ấy, hiện nay

NGUYỄN-VĂN-VĨNH CỦA TÂY

có hai ông xuất-sắc hơn hết, ai cũng phục tài mộ tiếng, là ông Crayssac, biệt hiệu *Mặt-giăng*, ngạch quan Cai-trị (*Service Civil*), đang làm chánh ty Kiểm-duyet báo quốc-ngữ Bắc-kỳ; và ông G. Cordier, chánh-thông-ngôn ngạch Tư-pháp Đông-dương, từng sự ở Hanói.

Hai ông này bấy lâu chuyên dịch những ca ngâm từ khúc của ta để cho độc-giã Pháp được thưởng-thức văn-chương nước Nam; mấy tập vận-văn kiệt tác như *Tùy-Kiều*, *Chinh-phụ*, *Cung-oán*, *Tần-cung-oán*, *Lục-vân-Tiên* v. v... đều do hai ngón bút tài-tinh ấy lần lần phiên-dịch ra Pháp-văn hầu hết. Hoặc dịch thành ra thơ tây, như ông Creyssac dịch *Tùy-Kiều*, đã hay mà lại không sót cái tinh ba của văn Nam; hoặc là dịch thành văn xuôi, như ông Cordier dịch *Cung-oán ngâm-khúc*, chọi nhau từng tiếng từng chữ, lại có chú-thích những điển xưa tích lạ rất là rõ ràng. Thấy những bản dịch như vậy, chứng tỏ ra rằng đâu phải không có người Pháp nào biết thưởng-thức văn-chương ta đâu, mà sự thật là công việc phiên-dịch chú-thích của họ còn kỹ-lưỡng và dày công-phu hơn mấy người mình phiên-dịch văn Pháp bội phần vậy.

Đây tôi muốn nói về bản dịch *Cung-oán ngâm-khúc* của ông Cordier.

Ai cũng biết *Cung-oán* là một áng văn kiệt-tác của mình, thuộc về lối « ngâm », câu đặt cứng cáp, ý-từ sâu xa, thứ nhất là dùng điển-cổ rất nhiều; ngay người mình đọc, còn lắm người không hiểu thay, vậy mà một người Pháp đem ra phiên-dịch chú thích, thì người Pháp ấy tức phải biết giỏi tiếng Việt-nam lại phải kiêm-thông Hán-học mới được. Dịch-giã Cordier chính là người Pháp đó. Đọc bản dịch của ông, để riêng cái giá-trị về Pháp-văn ra khoản nói, chỉ nói nội một sự hiểu biết của

PHU NU TÂN VĂN

ông ta về Việt-văn và Hán-tự, đủ khiến cho anh em mình phải ngợi khen bài-phục vậy. Có đôi tiếng ta, có lẽ chính mình đây không hiểu hết nghĩa mà ông nghiên-cứu đến nơi; có nhiều cái điển-tích của Tàu, không chừng lắm ông nhà nho ta chịu bí, mà ông chú-thích rành rẽ, thật là tài!

Song ở đây không phải tôi có ý phẩm-bình bản dịch; tôi chỉ muốn đem bài dẫn-ngôn (*introduction*) ông viết trên đầu bản dịch, mà dịch lại đây, cho độc-giã biết cái học-lực của ông về Việt-văn và Hán-văn ra thế nào? Bài này, tuy bốn-y dịch-giã chỉ để giới-thiệu với người Pháp về *Cung-oán*, nhưng theo ý tôi, nếu đem dịch ra, cũng có ích rất lớn cho người mình. Vì trong đó dịch-giã vừa so sánh *Cung-oán* với *Tùy-Kiều*, vừa cắt nghĩa cái lối văn ca-ngâm có âm-vận cao-kỳ ra sao; ấy là những chỗ quan-hệ về văn-chương của mình, mà thật ra phần nhiều người mình chưa biết vậy.

« Tập vận-văn tôi dịch ra chữ Pháp bây giờ đây, nguyên là một áng văn-chương xưa nay các ông nhà nho nước Nam thần-phục là hay lắm; họ cho là có giá-trị văn-chương ngang hàng với *Kim-Vân-Kiều*. Có lẽ xem ra *Kim-Vân-Kiều* vẫn được phổ-thông hơn là *Cung-oán*, và sự ưa chuộng khác nhau đó có nhiều nguyên-nhân.

Truyện *Kiều* là một thiên tiểu-thuyết dài, có đầu đuôi thứ lớp, cốt truyện của nó hơi thông-thường dễ hiểu, và có chỗ hơi động đến việc dâm-ô; trong truyện có nhiều nhơn-vật ra làm vai trò, hầu đủ hết hạng người trong xã-hội, và lại có lắm cái tình-cảnh khác nhau, mà phần nhiều là những cái cảnh khổ-não éo le, bao giờ cũng lấy trong cuộc đời bình-thường của người ta ra mà tả; nhờ vậy thành ra hạng người nào cũng ưa đọc *Kiều*; thứ nhất là hạng đàn bà ít học mà thân thể gặp bước gian-truân vất vả quá, lại càng ưa đọc truyện *Kiều* lắm.

Tác-giã khéo tả ra cuộc đời hạng người nào cũng giống như những bức họa tả-chơn, rồi đem tâm-sự tư-tưởng riêng của mình mà điểm-tô kỳ-thác vào, và thiết-tha than-thở về nông-nỗi tai-mạng đánh ghen nhau, làm cho đời người đắng cay điêu đứng.

Trong truyện có những bức tranh tả cảnh và những câu nói khóc đời như thế rất nhiều, đến nỗi rằng không cử một người đàn-bà nào, hoặc gặp cơn sầu muộn hay là có chuyện lo xa gì, hề mở cuốn *Kiều* ra là khi nào cũng thấy ngay những

câu nó chiếu-ứng hoặc xa hoặc gần với tâm-sự u-sầu đang làm cho mình ngồn-ngang bối-rối, lại khiến mình có cái thú cất tiếng ngâm nga, cho nỗi lòng được chút nhẹ nhàng khuấy lãng.

Chẳng phải vậy mà thôi đâu; bà nào đang tính có một việc quan hệ sắp xảy đến nơi, đang có cái mộng-tưởng làm sao cho mau phá-quai, hay là đang ở trong cái cảnh hiềm-nghèo buồn-bực gì, nếu họ muốn biết trước coi số-mạng sẽ phải dữ lành xấu tốt ra sao, tức là họ mở cuốn *Kiều* ra bói thử. Lắm rằm khấn vái rồi mở sách ra, hề ngón tay chỉ vào bốn câu nào liền lấy mấy câu ấy ra bàn tán suy nghiệm việc tương-lai của mình. Nếu mấy câu ấy nhằm cảnh yên vui sung-sướng, ấy là số-mạng của họ tốt; bằng như có gặp đoạn rầu buồn, vậy là chỉ tỏ rằng họ có việc không hay sẽ xảy tới, và có mưu tính công chuyện gì, tất cũng chẳng xong. Nhơn người ta có chỗ tin tưởng như thế, nên truyện *Kiều* chẳng phải là tập văn để ngâm nga tiêu-khiển mà thôi, lại thành ra cuốn sách bói việc kiết-hung họa-phước nữa.

Lời văn tiếng nói của truyện *Kiều* đã rất là phong-phu, mà lại gần như lời văn tiếng nói thông thường, cái đó là nhờ lối văn « lục bát », khuôn khổ nó rộng rãi dễ dàng, khiến cho tác-giã dễ tả bày tư-tưởng hơn, chứ không phải khuôn khổ chật hẹp bó buộc như lối « gián-thất ». Thiệt vậy, ta thấy trong lối « lục bát », thường khi cái ý-kiến vừa bắt đầu trên câu 6, có thể cho nó tiếp theo và kết-lieu trong câu 8 ở dưới liền. Lối « lục bát » dễ đặt hơn, và xem ra phần nhiều người Việt-nam quen đặt và thường dùng lối văn ấy, cho nên mỗi người nào gặp dịp muốn bày tỏ ra mình có ít nhiều văn-tài, thì họ có thể đặt dễ mấy câu lục bát cho thành văn cũng dễ.

Trái lại, lối văn *Cung-oán*, thuộc về thể *ngâm* (吟, *plaintes, élégies*), là một lối văn rất khó, ngay trong đám thi-gia, ta cũng thấy ít ông đặt văn lối ấy. Nội các sách đã ấn-hành, ngoài *Cung-oán* ra, hiện nay tôi thấy có 6 cuốn khác, cũng đặt bằng thể *ngâm*:

1. — Thu đa Lữ-ngoại-ngâm;
2. — Hạ-dạ Lữ-hoài-ngâm;
3. — Chinh-phụ-ngâm;
4. — Vọng-phụ-ngâm;
5. — Nhứt-tính-ngâm;
6. — Ngũ-canh-dạ Cẩm-tính-ngâm.

Thế nào là thể ngâm?

Có thể định nghĩa như vậy: ấy là thể văn một mạch bốn câu, hai câu 7 tiếng, một câu 6 và một câu 8.

Làm lối văn này, không những là âm-vần phải cho kêu ca dòn dả mà thôi, mà còn phải cân nhắc từng tiếng cho trùng điệu *trắc* hay *bằng*, theo cái âm luật như vậy:

1°— Chữ sau hết ở câu trên 7 tiếng phải « văn » với tiếng thứ năm trong câu 7 tiếng dưới.

2°— Câu 7 tiếng thứ nhì, chữ chót phải vần với chữ chót câu 6 ở dưới.

3°— Rồi theo như âm-luật thường của lối văn « lục bát », chữ chót câu 6 vần với chữ thứ sáu ở trong câu 8.

4°— Sau hết, chữ chót của câu 8 lại vần với chữ thứ năm ở câu 7 đi theo v. v...

Tôi muốn đem năm câu đầu hết của tập *Cung-oán*, câu này hiệp vần với câu kia ra sao, để làm ví dụ và dưới mỗi vần cơ-gạch một nét, hai nét, ba nét, cho độc-giả dễ nhận.

Trái vách quế gió vàng biau *hắt*,
Mảnh võ-y lạnh *ngát* như *đồng*.
Oán chi những khách tiêu *phòng*,
Mà xui mạng bạc năm *trong* mà *đào*?
Duyên đã may cơ *sao* lại *rủi*; v. v...

Trong sự liên-tiếp nhau những câu văn câu dài, xem ra hình như không có phương-pháp gì lập thành như định cho lắm, cái đó, chắc hẳn do chỗ khó khăn về sự gieo vần mà ra. Nhưng vậy mà ta nên nhớ rằng thường khi câu 7 thứ hai và câu 6 đều đặt theo âm-luật sau này:

1°— Câu 7 T. B. B. T. T. B. B.
2°— Câu 6 B. B. T. T. B. B. (1)

Câu thứ nhất 7 tiếng, cũng như là câu 8, hình như không có qui củ gì thiết là như định ra sao, tuy có đều phép văn bắt buộc, là chữ chót ở câu thứ nhất 7 tiếng, tất nhiên phải dùng một *thính* khác với *thính* của chữ chót trong câu đi tiếp theo. Ví dụ hai câu 7 trên kia, chữ chót câu trên là *trắc*, thì chữ chót câu dưới *bằng* vậy.

Còn như phép « điếm câu » (*cécure*) để ngắt hơi trong một câu văn văn ra, khi nó trùng điệu, thì phải:

1°— Sau chữ thứ ba trong câu 7 (Ví dụ: *Duyên đã may, cơ sao lại rủi*).

(1) T. là chữ *trắc* viết tắt; B. là *bằng*.

2°— Sau chữ thứ hai trong câu 6.

3°— Sau chữ thứ tư trong câu 8.

Coi thể văn *ngâm* là một cái văn-nghe rắc-rối khó-khăn đến thế, lắm khi bắt buộc nhà thi-sĩ phải cân nhắc đối chọi từng chữ từng câu, thật là tốn công mệt trí. Bởi đó mà có nhiều đoạn văn, thấy tư tưởng bày tỏ ra bằng những cái từ-y lóng bóng khó hiểu; đọc tới chặng đó chẳng phải khiến cho một mình người Âu-lây dịch-giã mập mờ không hiểu mà thôi, ngay đến các ông nhà nho bôn-xứ cũng phải bí đường nữa.

Tuy là *Cung-oán* có ít nhiều chỗ tối nghĩa và hơi văn có đoạn phù-phĩm đôi chút mặc lòng, nhưng vậy mà nó vẫn là tập văn do ngọn bút của một bậc thi-sĩ thiên-tài soạn ra, giá-trị văn-chương rất là cao kỳ xuất sắc, cho nên đem dịch ra Pháp-văn, thật là việc đáng làm và chẳng phải vô-lịch cho các nhà ham-mộ văn-chương vậy.

Huống chi nó còn một cái đặc-sắc khác nữa, ta nên để ý, là thể văn *ngâm* như tập *Cung-oán* này, cũng là thể văn *lục-bát* ở những cuốn khác, đều là nghề riêng của các nhà văn nước Nam tự đặt ra, chứ không bắt chước của ai hết. Thiết vậy, theo sự kiến-văn khảo-cứu của tôi, thì xưa nay không có một thi-gia Trung-quốc nào ngâm-vịnh bằng lối văn ấy; và lại xem trong sách *Từ-lôn* (詞綜), là cuốn sách biên-tập đủ các lối văn từ-diệu của nước Tàu xưa nay, cũng không thấy có lối nào giống cả. Thấy những bài về thể từ-diệu, chép trong sách kia, phần nhiều là bài ngắn mà câu đặt cũng ngắn, cho tới âm vận tiết tấu cũng thế, khác hẳn lối *ngâm* của nước Nam. Coi hai bài từ-diệu của Tàu, thấy trong sách *Từ-lôn* mà tôi cử ra đây làm ví-dụ thì biết cách đặt câu và gieo vần khác hẳn lối *ngâm* ra thế nào?

登樓遙望秦宮殿
飛燕雙飛
渭水一條流
丘壑萬壑
遠烟籠碧樹
行人去
陌上行
英雄
安得有
迎歸大內中

« Đẳng lâu dao vọng Tần cung điện

« Mang mang chỉ kiến song phi gấn

« Vị-thủy nhưt điều lưu

« Thiên san dĩ vạn khâu

« Viễn yên lung bạch-tho

« Mạch thượng hành nhơn khứ

« An đắc hữu anh-hùng

« Nghinh quy đại nội trung »

濃雲雨收
花苑內鳴鳩
現來喜見日光浮
暖融融永晝
麥苗潤澤懷春秀
榴花濕映紅花溜
田家歌舞盡歌謳
是處慶豐年醉酒

« Nùng vân vũ thâu

« Hoa uyển nội minh cửu

« Hiện lai hỉ kiến nhựt quang phù

« Noãn dung dung vĩnh chú

« Mạch miếu nhuận trạch hoài xuân lưu

« Lưu hoa thấp ánh hồng hoa lưu

« Điền gia ca-vô tận ca-âu

« Thị xứ khánh phong niên túy tửu. »

Ta coi đại-khái hai bài ấy đủ biết trong lối từ-diệu của Tàu, có khi hai câu đi một vần, có khi cả bài một vần, có chỗ nào giống lối *ngâm* đâu.

Ái là tác-giả tập *Cung-oán*, thì không biết rõ. Phần nhiều tập văn của nước Nam ngày xưa để lại, cũng như *Cung-oán*, người ta không biết rõ tác-giả là ai. Tuy vậy *Cung-oán* thấy có đề hiệu trông là « Ôn-như-hầu », hình như là bậc danh-nho ở vào cuối đời nhà Lê, tức là hồi thế-kỷ 16.

Năm nọ, ông Nordemann đem bản *Cung-oán* chữ nôm, in ra quốc-ngữ, có viết bài tựa nói phỏng-chứng cái lai-lịch của tác-giả như vậy:

.... « Có lẽ vị đại-thần này, nguyên là bậc danh-nho tài cao trí rộng, ban đầu được vua trọng dụng, nên mới được phong tước Hầu, nhưng mà cuộc đình chung phủ quí, như giấc mộng mờ màng, chòm mây tan hiệp, về sau vì một việc gì đó, ông bị thất-sủng với vua, không được tin dùng như trước nữa.

« Trở về nhà làm bạn với khóm cúc câu văn, ông bèn soạn ra tập *Cung-oán*, tả cái thân-thế một người cung nữ có sắc có tài mà vô duyên xấu số, tức là ông ký-thác tâm-tình, thở than tâm-sự của ông vậy. »

Có người nói thiết có chuyện người cung-nữ như thế; tôi đã rón tìm tôi tra cứu cho biết chi

cung-nữ đó là ai, nhưng chẳng tìm ra được cả dấu tích rõ ràng gì về chỗ ấy cả. Song dầu sao mặc lòng, tôi thiết tưởng mình có thể cho *Cung-oán* cũng giống như *Trường-môn-phủ* (長門賦) của họ Tư-mã ở đời Hán bên Tàu ngày xưa, vì tập văn ấy cũng do cái cảnh-tình ngộ nghĩnh mà soạn ra. Nguyên là Hán Võ-đế đến lúc ghét nàng A-Kiều, bèn đẩy nàng vô ở cung Trường-môn. Nàng cây người nắn nĩ họ Tư-mã soạn giùm bài phú Trường-môn tỏ nỗi sầu buồn tưởng nhớ của mình, rồi sau nàng được Võ-đế thương lại như cũ. Người ta lại nói đến đời Đường, ông thánh thơ là Lý Bạch soạn ra hai bài « Bạch-đầu ngâm » và « Trường-môn-oán, 長門怨 », thì cũng là nối theo ý tứ bài phú Trường-môn của họ Tư-mã thuở trước mà ra. Tuy vậy những điều đó toàn là nói phỏng chừng mà thôi, có lấy gì làm chắc.

Có đều rầy người ta đoán có lý, tôi có thể tin: người ta cho là *Cung-oán* lọt ý trong mấy bài văn Tàu đã kể trên đây mà soạn ra, vì đem hai đảng so sánh ngâm nghĩ mà xem, thấy từ cảnh-tượng, nhơn-vật, cho đến tâm-sự, tánh-tình, có lắm chỗ tương-tợ với nhau lắm. Nếu phải là hai đảng có chỗ giống nhau như vậy đi nữa, nhưng sự thật Ôn-như-hầu soạn ra *Cung-oán*, cũng không phải là ăn cắp của Tàu hay là đem bài Hán-tự mà dịch ra Nam-âm đâu; ta nên xét rằng *Cung-oán* viết bằng một lối văn riêng và có cách bố cục khác hẳn, bề nào cũng vẫn là một tập văn tân-kỹ tuyệt diệu lắm vậy v. v....

Ấy là lời tựa của ông G. Cordier viết trên bản dịch *Cung-oán* ra Pháp-văn; đoạn dưới ông kể tên mấy cuốn sách dùng để tra cứu, tôi muốn lược đi.

Đọc bài ấy rồi, nếu giấu cái tên đi, có lẽ độc-giả tưởng là một vị túc-nho bác-học nào của ta viết, chứ hẳn không dè của một người Pháp, sao mà rành văn Việt-nam và xem rộng sách vở đến thế? Đọc bài ấy rồi, độc-giả có nói rằng người Pháp không hề để tâm nghiên-cứu văn-chương Việt-nam mình nữa không?

Ta nên biết hạng người Pháp như dịch-giã *Cung-oán* còn chịu khó tìm tôi trong đồng sách làng văn của ta đến đâu nữa kia. Chính ông đã dịch-thuật nhiều bài văn xưa khác và làm ra mấy cuốn sách bàn về văn-chương Việt-nam, đều có giá-trị, tỏ ra người học rộng xem nhiều lắm; thứ nhất là ông nghiên-cứu những phong-đạo tục-ngữ nước mình, tìm tôi đến gốc, cắt nghĩa đến nơi, khiến

TRONG TRƯỜNG GIÁO-DỤC

Sự dạy tiếng Pháp ở các lớp tiểu-học



Món chữ Pháp hiện nay là một môn rất quan-hệ trong chương-trình các lớp tiểu-học, từ lớp đồng ấu, lớp dự-bị, đã có tập đọc tập viết chữ Pháp cho đến lớp nhì lớp nhứt, món gì cũng toàn dạy bằng tiếng Pháp cả, vậy một đứa trẻ từ lúc bắt đầu đi học cho tới lúc đầu bằng Sơ-học, kể học tiếng Pháp cũng đã năm sáu năm trời, mà viết một cái thư bằng tiếng Pháp cũng chưa trôi, hoặc nói một câu tiếng Pháp cũng còn trát, là tại làm sao? Theo ý tôi, thì thiết tưởng công học tập của trẻ con trong mấy năm trời mà kết-quả tầm thường như vậy, ấy là vì cách dạy tiếng Pháp sai lầm.

Tiếng pháp đối với ta là một tiếng ngoại-quốc (langue étrangère); mà muốn dạy một tiếng ngoại-quốc nào mau biết thì phải lấy tiếng mẹ đẻ mà giảng giải. Nhưng hiện nay ở các trường tiểu-học thì dạy tiếng Pháp theo cách trực tiếp (méthode directe) như cách dạy tiếng Pháp cho trẻ con pháp vậy. Theo lời các quan thanh-tra biểu, thì các giờ dạy tiếng pháp không được dùng tiếng nam, trừ ra mấy lớp dưới có đôi chữ khó hiểu quá mà thôi. Ví-du ở các lớp dưới, muốn dạy chữ « lampe » là cái đèn; thì thầy đưa cái đèn trước mắt học-trò rồi hỏi: « Qu'est ce que ceci? » Học-trò biết thì trả lời, nếu không thì thầy nói: « Ceci est une lampe », tay vừa chỉ vào cái đèn. Học-trò đưa khả trong lớp thì hiểu và lặp lại được, còn nhiều đứa chưa hiểu rõ ra cái gì, không biết « lampe » là cái đèn, hoặc cái bầu, hoặc cái hòng đèn, trong trí chúng nó hãy còn lơ mơ, nhưng đến lúc thầy bắt lặp lại thì lật-đật dơ tay chỉ vào đèn mà cũng nói: « Ceci est une lampe » cho rồi chuyện!

Đó là mấy chữ có nghĩa cụ thể (concret) sẵn để cho nhiều người mình vẫn tự phụ là đa-tai bác-học, thấy mà phải mắc cỡ thắm lặn.

Than ôi! văn-chương ta ngày xưa lưu lại có bao nhiêu, và có ích gì cho người Pháp, thế mà còn có người Pháp chịu học tiếng Nam, chịu khổ văn Nam, có công phu như vậy thay; huống chi học thuật văn-minh phương Tây như rừng như biển, mà ta đang cần thấu góp lượm lặt, vậy thì ta há chẳng nên cầu khẩn cho ta có nhiều tay sưu-tầm dịch-thuật thật giỏi như hạng Crayssac, Cordier của tây kia sao?

đưa ra trước mắt học-trò mà còn mập mờ đến thế, chớ nói gì đến những chữ có nghĩa trừu-tượng (abstrait) thì càng khó hiểu lắm. Như muốn dạy chữ « indulgence » thì thầy phải đặt ít câu thí-dụ cho học-trò hiểu: « Votre père pardonne-souvent vos fautes: il a de l'indulgence ». Trong câu thí-dụ của thầy đó, chữ « indulgence » là chữ chưa học đã đành, còn chữ « pardonner » chữ « fautes » nhiều trò cũng chưa biết, thế biểu hiểu làm sao được, nhưng chúng nó vẫn lặp lại được, chẳng qua cũng vào lỗ tai ra lỗ miệng đó mà thôi. Có lúc thấy nhiều đứa trẻ đọc bài thuộc, đặt câu được mà có hỏi chữ chúng nó vừa đọc là nghĩa gì thì lại nói mập mờ lắm.

Ở các lớp trên đến giờ tập đọc đồ sách ra trang nào đó, thầy đọc trước một lần, tóm tắt đại ý trong vài câu, rồi thầy bắt học trò đọc mỗi trò một đoạn, nhưng miệng đọc mà trong trí vẫn nhiều câu chưa nhận nghĩa ra thế nào cả, hãy chờ lúc thầy giảng. Nhưng khôn thay! trong nửa giờ thầy làm sao? Thế nào cũng phải chọn ba bốn chữ khó mà thôi, còn thì giờ để hỏi về ý tứ trong bài. Về phần học trò thì chỉ hiểu sơ-sơ mấy chữ hãy có giảng đó mà thôi còn nhiều đoạn không hiểu gì ráo.

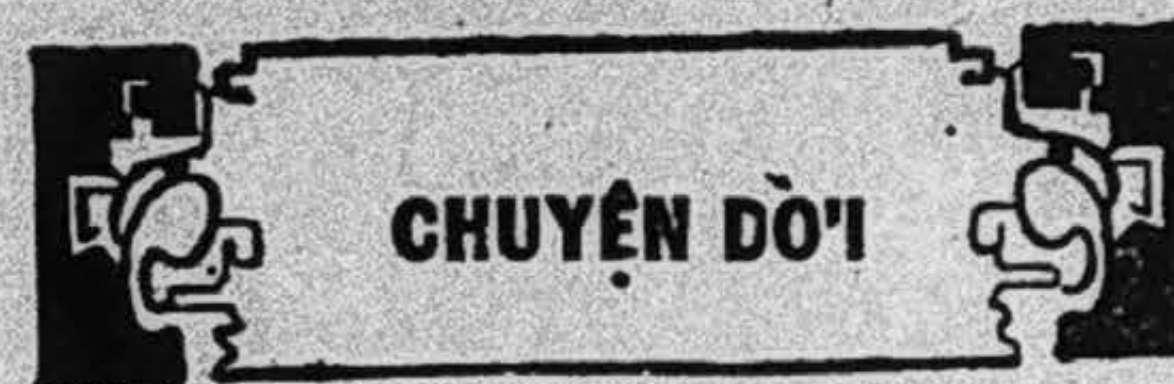
Nay ta nên dạy thế nào để cho trẻ con mau hiểu mau biết? Thiết tưởng ta nên dùng tiếng nam mà giảng mấy món học tiếng Pháp. Như muốn dạy tiếng « lampe » ở trên, thì thầy đưa cái đèn vào lớp rồi hỏi học trò rằng ta kêu là cái gì, chắc đứa nào cũng biết là cái đèn. Đoạn, mới hỏi tiếng Pháp thì kêu là gì? (la lampe) như vậy thì học trò hiểu rõ-ràng và chắc chắn mà nhớ được lâu. Có kẻ nói dạy như vậy thì trẻ con không tập nói tiếng Pháp được. Xin trả lời rằng khi học trò đã nhớ chữ « lampe » là cái đèn rồi thì ta sẽ bắt chúng nó dịch những câu tiếng nam ra tiếng Pháp như: « cha tôi có một cái đèn, cái đèn này giá ba đồng bạc... » Lúc học trò đã đặt được những câu như vậy thì chúng nó nói hay làm bài bằng tiếng Pháp dễ như chơi.

Đến bài tập đọc tiếng Pháp trước hết phải bắt dịch ra tiếng nam đã cho học trò hiểu đến nơi đến chốn rồi sau mới giảng bằng tiếng Pháp, như vậy thì có thể mong học trò mau tiến ích hơn là theo cách dạy hiện bày giờ.

Đó là những điều kinh nghiệm trong mấy năm dạy ở các lớp tiểu học xin thành thật mà bày tỏ cùng anh em trong giáo giới để ai có lòng sẵn sóc việc giáo dục trẻ con ta thì để ý về vấn đề quan trọng này. (1)

ĐỒNG-LƯU

(1) Độc-giã nhớ xem luôn bài luận của ông Khả-Gia ở trang sau.



CHUYỆN DÒI

Bài ký đi chơi Bồng-lai-cảnh



Xin nói mau cho độc-giã biết rằng cảnh Bồng-lai mà tôi đi chơi đây là cảnh Bồng-lai ở chính giữa châu thành Saigon, là cảnh Bồng-lai nhơn-loạ của ông Võ-văn-Ban, chủ-nhơn của Phong-cảnh khách lầu.

Tôi vốn là một người có óc lãng-mạn, mà bấy lâu thăm tiểc chưa có dịp được đi chơi những nơi phồn hoa đô-thị lớn như ông Văn-Trình đi Hoành-tân, Thượng-hải; lại cũng không được cái may-mắn nào thấy chiêm bao bay lên trên trời như ông Tân-Đi, nên chỉ nay nghe nói ở bên mình sẵn có cảnh tiên — dầu là cảnh tiên giả đi nữa, — cũng muốn một phen chia hao tổn ít các để làm cho thỏa thích cái óc lãng-mạn của mình.

Vả lại, thuở nhỏ cũng có học lớp-lép chừng một vài lá-mít chữ nho, cũng đã từng nghe các cụ giảng rằng: « ... Bồng-lai 蓬萊, Phương-trượng 方丈 và Dinh-châu 瀛洲 vốn là ba hòn núi thần (神山), nổi lên trong biển Bột (渤海). Ở ba núi ấy thường có chư tiên hội đến chơi luôn và có nhiều thứ thuốc trường-sanh bất-lũ; bao nhiêu những cầm thú ở đó đều tinh một màu trắng, còn những lâu đài cung khuyết thì đều làm bằng bạch-ngân và hoàng-kim hết thảy... »

Ấy, cái cảnh Bồng-lai thiết theo như trong sách Tàu thì nó có những vẻ phi-phàm đến như vậy; nhưng tiếc thay cho mình chỉ nghe nói thôi, chứ không sao thấy được. Thì nay có người đã có được cái óc lạ, đem cảnh Bồng lai mà bày ra ở bên cạnh mình, dầu cho có biết là giả-cảnh, nhưng tôi tưởng cũng khiến cho ta khó nổi cảm lòng mà không muốn dời chơn lên đó cho biết vậy.

Song le, đương lúc Bồng-lai-cảnh mới bày ra và các báo hàng ngày đưa nhau từ này còn-kích, từ kia bình-vực, thì tôi phải dằng lòng mà không leo chơn lại và cũng chẳng muốn nói chuyện tới B. L. C., vì sợ không khỏi mang cái tiếng làm quảng-cáo cho ông Võ-văn-Ban. Kịp đến bây giờ đây, cái cơ sở của B. L. C. coi bộ đã vững rồi, dầu cho ai có chê bai tưởng cũng chẳng thiệt-hại gì đến nó, mà dầu cho ai có khen-ngợi tưởng cũng chẳng bị nghi là làm quảng-cáo giùm. Bởi vậy nên hôm nay tôi mới có mấy hàng văn-tất này để thuật chuyện đi chơi B. L. C.

Số là hôm đêm trừ-tịch của năm 1932, mấy ông bạn nữa cùng tôi, sau khi đã dùng bữa và đánh chén hơi ngà-ngà, hào-hùng đương nồng, bèn rủ nhau lên chơi cảnh Bồng-lai Saigon cho biết.

Khi mới đến nơi, chúng tôi bóp chuông thang máy một cái, thì thang ở trên lướt xuống, người coi thang mở cửa ra, chúng tôi bước vào, cửa thang đóng lại, rồi vùn vụt chạy lên một lượt đến ba bốn tầng lầu cao, khiến cho chúng tôi hơi có cái cảm-tưởng « vu-vù không cảnh mà như bay »... Nhưng khi lên đến tầng lầu thứ tư, tức chỗ cửa đi vào B. L. C., thì đã thấy có một người « kẻ-xe » ngồi sẵn ở đấy. Một ông bạn của tôi móc bóp-phoi lấy tiền để mua giấy vào cửa: mỗi cái giấy 0\$50. Theo như trong cuốn « Giấc Mơng con thú II » của ông Nguyễn-khắc-Hiếu thì ở trên trời vẫn có một cái chợ, mà sự buôn bán ở chợ Trời vẫn phải dùng đến tiền bạc. Mà theo ý tôi, thì câu tục ngữ « đi khác với

cảnh liền một phần lớn là vì cảnh tặc vẫn lanh ngất những hơi đồng, cho nên kẻ ở đầu mà còn thấy có hơi đồng, thì ở đây vẫn chưa thoát-tặc. Ông Võ-văn-Ban đã chẳng phải tiên, mà bầy ông dùng thần tiên của vào cảnh Bồng lai, thì cũng là khó. Nhưng tôi chỉ mong sao cho ông chủ B. L. C. sẽ nghĩ ra một cách thu tiền nào cho kín đáo hơn — hay là hãy chờ đến lúc người ta ở trong B. L. C. bước ra rồi sẽ thấu liền có được chăng? — ngờ cho những người khách khi mới vào chơi khỏi phải sợ nhỡ rằng mình vẫn đương còn ở trong cõi tục...

Mua giấy xong, bước vào mấy bước, thấy bên tay trái có cái buồng nhỏ, dóm lên cánh cửa, lại thấy đề mấy chữ « Uri-nair pour Mesdames ». Tục nữa là... Tôi xin phép đổi mấy chữ này lại là « Bến Nhựa Thủy », chẳng biết có được không, bởi vì chữ « nhựa » nó cũng gần giống với chữ « an-chi 溺 », mà người Tàu họ vẫn kêu chỗ đi tiểu là « tiện nịch xê » 便溺處.

Trong bụng mình đương suy nghĩ và không được vui, thì bỗng thấy người ta lơ-nhờ lúc nhúc dờng thiết là đồng! Đèn điện thấp sáng từ tung, ở giữa lại có đặt những ngọn đèn nỉ sắc, khiến cho khách du có cái huyền-lường (illusion) như được trông thấy bao nhiêu tinh dầu trên trời. Chàng quanh cái vôi ước phun và có đôi đèn màu nhấp-nhàng, thì thấy những người đàn-bà đón tôi phần điếm, ăn mặc cực kỳ huy hoàng, đương bắt cặp với đàn-ông mà mùa nhẩy quay cuồng, có nào cậu này, ông nào bà này, phưởng-phất như cái quạt-cánh « Nghê-thường vũ-y » ở trên thiên-cung để-khuyết. Còn ở chung quanh cái vòng tròn mà « chư-liên » đương mùa nhẩy, thì ta liệ không biết bao nhiêu bàn ghế, nơi bàn nào cũng thấy có người ta ngồi dầy, vừa nhấp ly rượu vừa nói nói cười cười, trông ra vẻ ung-dung nhàn-nhạc lắm... Chẳng là « tiên » thì là gì?

Mấy anh em chúng tôi cũng ngồi uống rượu, cũng nói nói cười cười, cũng coi người ta múa nhẩy, đến khi trong bụng bắt đầu có cái cảm-giác hơi vui-vui và gần quên lửng đi được bọn-bàn công chuyện ở dưới trần-tục, thì một ông bạn móc đồng-hở trong túi ra cho hay rằng đã gần hai giờ sáng; kể đó một ông bạn nữa vội vả kêu bồi biếu tỉnh liền rượu: nghe nhắc đến chữ « tỉnh » và thấy đưa cái « phát-tuya » ra lại làm cho tôi giật mình mà quên hết cái cảnh tiên khi nãy!

Rồi đó thang máy chạy vụt một cái thì chúng tôi đã trở xuống dưới lễ đường Filippini. Vừa đi vừa nghĩ, thì không thể không khen cho cái trí sáng kiến của ông Võ-văn-Ban: nhưng dầu khéo sáng-kiến thế nào là cảnh Bồng-lai của ông cũng vẫn còn có nhiều chỗ chưa giống với cảnh Bồng-lai ở trong sách. Tuy vậy nhưng còn có một điều làm cho tôi phải suy nghĩ, là bởi sao mà số người thích chơi B. L. C. của ông Võ-văn-Ban cứ mỗi ngày một nhiều.

Có lẽ là vì cái cảnh Bồng-lai giả này nó cũng có phương thuốc trường-sanh bất-lũ để cứu người như cảnh Bồng-lai thiết. Ở giữa buổi kinh-tế khó khăn này, có thiếu chi người vì buồn thua bán lỗ, hoặc vì mất sở-mầm mà muốn chết đi cho rảnh. Những người thất-vọng ấy, đến khi lên B. L. C. và trông thấy có nhiều có nhiều cậu đáng lẽ phải tự vận từ bao giờ kia, thế mà bây giờ họ cũng còn đang ôm nhau mà nhẩy múa rất hăng, thì tôi tưởng cũng có thể khiến cho ai nấy đổi buồn ra vui, đổi sự thất-vọng ra hy-vọng mà cố gắng sống thêm nữa để coi đời, chứ chẳng tội gì mà chết đi đâu cho uổng.

L. Đ.

Đình-ninh nhân bạn xa gần,
Chớ quên đọc số Báo Xuân năm này!...

NHỮNG CHỖ SAI LẦM TRONG BÀI « VIỆC DẠY ĐỖ TRẺ CON VIỆT NAM » CỦA ÔNG TỊNH XUÂN

Phụ-nữ Tân-văn số 179 ra ngày 1-12-32, ông Tịnh-Xuân có viết một bài chỉ trích những điều mà ông gọi là những nguyên nhân làm cho ngưng trệ sự học ở mấy lớp sơ-dãng hiện giờ. Cứ như ông, thì những nguyên nhân ấy là :

- 1- Chương trình ở mấy lớp ấy không liên tục nhau.
- 2- Dạy văn đọc nguyên chữ.
- 3- Không dùng sách Lectures franco-annamites của ông Roseq là sách đọc « rất hay ».
- 4- Nhiều giờ dạy về và « dân » (1).

Rồi ông thảo ra một cái chương trình của ông. Làm vậy đúng phép lắm, vì hề thấy tệ thì phải chỉ phương trừ tệ. Song có điều tôi không biết ông đưa vào cái gì mà thảo ra đó. Trong các điều ông bảo dạy theo, tôi xin trích ra điều rất ngộ nghĩnh này : Học làm toán bằng tiếng langsa, câu-chương langsa ở lớp Đồng-ấu !

Cái khoa dạy dỗ con nít là cái khoa phải học công phu nhiều và phải thí nghiệm nhiều lần mới có thể rành được. Cần phải có học vấn-đề triết-lý (culture philosophique) mà nhưэт là phải rành về tâm-lý trẻ con (psychologie de l'enfant). Cho nên người học cao chừng nào thì có thể được thâm hiểu cái khoa dạy ấy chừng nấy. Nhưng cách thức dạy con trẻ ở nhà trường, hỏi đi, hỏi lại, dõm, ngó, nghe, nói, đọc, viết, vân vân, là những cái thiệt-hành tâm lý con trẻ vậy. Người ngoài điệu, người ngoài đường (l'homme de la rue) không thấu rõ cái huyền vi, cho là việc làm lếu, không trách được.

Cách dạy ở trường sơ bây giờ đã cải-lương nhiều, không phải dạy cách biến nhấc và hủ lâu như xưa nữa. Phương pháp dạy thì do theo luật tự nhiên mà mở đầu óc của con trẻ ra : khởi ở chỗ dễ ra chỗ khó, chỗ thấy ra chỗ không thấy, chỗ đơn ra chỗ kép. Cách thế phải làm sao cho đứa nhỏ vui mà ham học, nghĩa là phải hiểu hết. Đứa nhỏ không phải một cái hủ để cho ông thầy ngồi trên

(1) Nói công-nghệ mới dùng hơn vì môn ấy là Travail manuel.

bàn cao rót chữ vào. Ông thầy trọng lớp là kẻ điều dắt học trò, các bài vở học trò và ông thầy chung sức nhau kiểm ra. Lớp học như vậy gọi là lớp học hoạt động (classe active). Học trò không bao giờ buồn ngủ mà thôi chí được. Nếu như cái trí mạnh nhớ (mémoire) rất cần ích cho sự học, bây giờ ở trường người ta không chỉ dùng một mình cái trí đó không mà thôi vì người ta sợ nắn đúc ra kết nhiều (psittacisme) ! Học nói kết với học hiểu, thì chúng ta biết liên lợi ích ở đâu.

Về điều chỉ trích của ông T. X. về khoản dạy địa-dư ở lớp Dự-bị, tôi cũng muốn cho ông nói có lý. Nhưng ở khoản ấy tôi sợ ông T. X. hiểu lầm, cũng như nhiều giáo-viên, người trong nghề, hiểu lầm vậy Phải, thay vì học những « Cù lao, doi, vịnh, núi, hồ », đứa nhỏ phải học chỉ những « nước Pháp, bắc giáp với biển Manche, nam giáp với núi Pyrénées và biển Méditerranée » và « Úc-châu, Nam-phi-châu, Mỹ-châu, Âu-châu, Á-châu », nói qua nghe cũng hữu lý lắm ! Song nếu thử xét cái ý nghĩa của chương trình địa-dư lớp Dự-bị và nói rõ cách thế phải dạy làm sao cho mấy đứa nhỏ khỏi « lặp đi lặp lại như kết mẹ » như ông T. X. nói đó, để nghe coi có lý chút nào không ? Sự dạy địa-dư bắt đầu ở lớp nào có hai điều bổ ích : bổ ích về thiệt tế (utilité pratique) để cho đứa nhỏ biết, và bổ ích về tri-dục (éducation intellectuelle) để mở những khiếu quan-sát (observation), tưởng-tượng (imagination), lời luận (raisonnement) và mạnh nhớ (mémoire) của con trẻ.

Ở lớp Đồng-ấu đã có dạy những cù-lao, doi, vịnh, núi, sông, ngòi, rạch, v. v. rồi, bước qua lớp Dự-bị, khởi đầu, nếu ông thầy biết dạy thì phải ôn lại những cái đã thấy ở lớp dưới. Rồi mới bắt qua chương trình lớp mình được. Dạy địa-dư không phải viết một bài toát yếu lên bản, rồi chỉ lấy thước lên bản cắt nghĩa qua loa, nghĩa là làm một bài tập đọc có giảng giải (lecture expliquée) được. Phải vẽ bản đồ lên bản, phải có hình (người, nhà, kinh-dò, núi, sông, v. v.), những cái kêu là khí cụ để dạy bài (matériel de la leçon).

— Nếu phải dắt dẫn học trò ra sân hay là đến sông-lạch gần đó được thì thầy phải làm vậy. Tóm tắt phải làm thế nào cho cả học-trò đều vui ngộ mà hiểu hết bài dạy của mình vậy. Ở lớp Dự-bị với học-trò còn nhỏ, chương-trình dạy mấy xứ xa lạ chẳng qua là người thảo chương trình muốn chúng nó biết những xứ có trên địa-cầu này. Biết là biết sơ qua, như nước Pháp từ cần là những gì, kinh-dò tên gì, đủ rồi. Về địa-dò nước Pháp trên bản, chỉ nước Pháp trên trái đất (globe terrestre), đưa hình có người Langsa đón ông, đón bà, con nít, hỏi học-trò biết ai là người Pháp, đưa hình có phố phường ở Paris cho học-trò coi, v. v. Hỏi học-trò, bảo nó kiểm trong hình để trả lời, dạy như cách trên đây đầu cái chương-trình không được như ý, ông thầy cũng có thể dạy có bổ ích cho con nít được !

Bây giờ chúng ta xét qua coi trường sơ-dãng có mục-dịch gì và luôn dịp sẽ nói đến chỗ lợi-hại của chương-trình trường ấy, làm vậy để cho người ta, mà nhưэт là ông T. X. không thể nói tôi cố bỉnh vực cái chương-trình ấy một cách tây vị được.

Trường sơ-dãng có cái mục-dịch mở các khiếu thông-minh của đứa nhỏ, nghĩa là ở trường sơ con nít học để mà học (les enfants apprennent à apprendre). Đầu sau đứa nhỏ không được học đến cùng thì ra ở đời, nếu nó có chí và có ngày giờ thì nó tự học lấy cũng được. Trường học ở xứ ta còn kèm thêm một cái mục-dịch nữa. Nhưng tôi không nói đến, vì mình đã chịu đi học chữ Pháp, mình cầu học Pháp thì không chạy chối đầu khỏi mà lòng nói đến.

Chương-trình ở trường sơ-dãng của nhà-nước ra sao ? Chương-trình phân ra hai đẳng : một bên đệ nhứt đẳng sơ-học (1er cycle primaire) từ lớp Đồng-ấu tới sơ-dãng, một bên đệ nhị đẳng sơ-học (2e cycle primaire) từ lớp trung đẳng đệ nhứt niên tới lớp cao-dãng. Bên đệ nhứt đẳng sơ-học thì học rộng quốc-văn chỉ xem chút ít Pháp-văn ở lớp sơ-dãng. Bên đệ nhị đẳng sơ-học thì học rộng Pháp-văn chỉ xem chút ít quốc-văn.

Cái chương-trình như ấy là mới cải sửa ít năm nay đây. Hồi trước chỉ học chút ít quốc-văn, còn thì Pháp-văn thôi. Kết-quả không được tốt vì khi con nít ra trường rồi là phần đông hơn hết chữ Pháp dùng không được là lẽ cố-nhiên, đến chữ ta lại u ở mới là hai cho chớ ! Thế thì mấy năm học ở nhà trường với cái chương trình như vậy là mấy năm rất vô ích.

Bởi vậy trong nước lúc đó có một cái dư-luận về sự cải-cách chương-trình ở trường sơ. Rồi

trước ông Phạm-Quỳnh, sau ông Nguyễn-phân-Long có thỉnh cầu về việc cải-cách ấy. Cho nên cái chương-trình mới sửa đổi ra ngày hôm nay đó vậy.

Dạy quốc-văn không phải là hại. Người ta cứ tin chắc rằng các môn quốc-văn dạy ở nhà trường là các môn con nít đều biết hết. Như thế là lầm lắm ! Ngủ quan (1) của đứa nhỏ cần phải luyện tập đúng phép rồi trở ra tính xảo được mà trí thông-minh của nó cũng nương theo mà tỏ rõ ra. Những môn dạy bằng quốc-văn ở nhà-trường đều có cái tánh cách để mở các khiếu thông-minh của đứa nhỏ ra cũng như các môn dạy bằng Pháp-văn bên nhị-dãng sơ-học. Thế thì dạy quốc-văn không phải là có hại. Người ta thường quên rằng hề muốn học một thứ tiếng nào cho mau hay thì trước hết phải rành tiếng mẹ đẻ của mình đã.

Phải ! Người ta hay trách cái chương-trình bây giờ làm mất ngày giờ học Pháp-văn. Học Pháp-văn để vào trường Cao-dãng sơ-học, Trung-dãng-học hay là Cao-dãng-học, để sau làm quan, mà đầu không được thì ra xin việc nhà-nước hay là xin sở tư làm việc cũng nuôi sống được. Nhưng vậy cái học Pháp-văn của người ta muốn đây là cái lỗi đọc sách xuôi rớt và nhớ thuộc lòng nhiều. Lỗi đó trong khoa Sư-phạm kêu là nói kết (psittacisme). Lỗi đó không ích lợi vào đầu fiết. Cái sức học và hể của một đứa con nít có chừng mực, có giới hạn, không có thể rấn ép được (gaver). Mà có rấn ép ra thì chỉ có hại cho đứa nhỏ, cho tính-thành của đứa nhỏ không mà thôi. Sự dạy hay không ở chỗ rấn ép mà chỉ ở chỗ lập đi lập lại (repetition). Lại người ta không trọng ở chỗ dạy nhiều (quantité) mà ở chỗ dạy hay (qualité) đó. Hai điều này rất là cần yếu trong khoa dạy học ngày nay, chúng ta không nên quên.

Cái hại về sự dạy quốc-văn có là ở cái bằng tiền-học. Bằng tiền-học có môn thi Pháp-văn tùy ý (épreuves facultatives) nếu rớt hai lần thì đứa nhỏ phải bị sa thải. Thế thì cái bằng tiền-học là cái trở ngại bước đường học vấn của con trẻ đó ! Vì nó mà mỗi năm có biết bao nhiêu con nít chưa chắc là ngu muội, chưa chắc là không có sức học, phải ôm sách trở về nhà !

Đó là những chỗ lợi hại của chương trình mấy lớp tiền-học (classes élémentaires). Những môn định dạy trẻ em vì có tánh cách mở trí của đứa

(1) Cứ như xưa nay thì có ngủ quan. Thiệt ra còn làm cái quan nữa.

NHỮNG CHỖ SAI LẦM TRONG BÀI «VIỆC DẠY ĐỖ TRẺ CON VIỆT NAM» CỦA ÔNG TỊNH XUÂN

Phụ-nữ Tân-văn số 179 ra ngày 1-12-32, ông Tịnh-Xuân có viết một bài chỉ trích những điều mà ông gọi là những nguyên nhân làm cho ngưng trệ sự học ở mấy lớp sơ-dãng hiện giờ. Cứ như ông, thì những nguyên nhân ấy là :

1. Chương trình ở mấy lớp ấy không liên tục nhau.
2. Dạy văn đọc nguyên chữ.
3. Không dùng sách Lectures franco-annamites của ông Roscq là sách đọc « rất hay ».
4. Nhiều giờ dạy về và « dân » (1).

Rồi ông thảo ra một cái chương trình của ông. Làm vậy đúng phép lắm, vì hề thấy tẻ thì phải chỉ phương trừ tẻ. Song có điều tôi không biết ông đưa vào cái gì mà thảo ra đó. Trong các điều ông bảo dạy theo, tôi xin trích ra điều rất ngộ nghĩnh này : Họ làm toán bằng tiếng langsa, câu-chương langsa ở lớp Đồng-Ấu !

Cái khoa dạy dỗ con nít là cái khoa phải học công phu nhiều và phải thí nghiệm nhiều lần mới có thể rành được. Cần phải có học vấn-đề triết-lý (culture philosophique) mà nhất là phải rành về tâm-lý trẻ con (psychologie de l'enfant). Cho nên người học cao chừng nào thì có thể được thâm hiểu cái khoa dạy ấy chừng nấy. Nhưng cách thức dạy con trẻ ở nhà trường, hỏi đi, hỏi lại, dóm, ngó, nghe, nói, đọc, viết, văn vắn, là những cái thiệt-hành tâm lý con trẻ vậy. Người ngoài điệu, người ngoài đường (l'homme de la rue) không thấu rõ cái huyền vi, cho là việc làm lếu, không trách được.

Cách dạy ở trường sơ bây giờ đã cải-lương nhiều, không phải dạy cách biến nhác và hủ lậu như xưa nữa. Phương pháp dạy thì do theo luật tự nhiên mà mở đầu óc của con trẻ ra : khởi ở chỗ dễ ra chỗ khó, chỗ thấy ra chỗ không thấy, chỗ đơn ra chỗ kép. Cách thế phải làm sao cho đứa nhỏ vui mà ham học, nghĩa là phải hiểu hết. Đứa nhỏ không phải một cái hủ để cho ông thầy ngồi trên

(1) Nói công-nghệ mới đúng hơn vì môn ấy là Travail manuel.

bàn cao rót chữ vào. Ông thầy trong lớp là kẻ điều dắt học trò, các bài vở học trò và ông thầy chung sức nhau kiếm ra. Lớp học như vậy gọi là lớp học hoạt động (classe active). Học trò không bao giờ buồn ngủ mà thôi chí được. Nếu như cái trí mạnh nhớ (mémoire) rất cần ích cho sự học, bây giờ ở trường người ta không chỉ dùng một mình cái trí đó không mà thôi vì người ta sợ nắn đúc ra kết nhiều (psittacisme) ! Học nói kết với học hiểu, thì chúng ta biết liền lợi ích ở đâu.

Về điều chỉ trích của ông T. X. về khoản dạy địa-dư ở lớp Dự-bị, tôi cũng muốn cho ông nói có lý. Nhưng ở khoản ấy tôi sợ ông T. X. hiểu lầm, cũng như nhiều giáo-viên, người trong nghề, hiểu lầm vậy. Phải, thay vì học những « Cù lao, doi, vịnh, núi, hồ », đứa nhỏ phải học chỉ những « nước Pháp, bắcgiáp với biển Manche, nam giáp với núi Pyrénées và biển Méditerranée » và « Úc-châu, Nam-phi-châu, Mỹ-châu, Âu-châu, Á-châu », nói qua nghe cũng hữu lý lắm ! Song nếu thử xét cái ý nghĩa của chương trình địa-dư lớp Dự-bị và nói rõ cách thế phải dạy làm sao cho mấy đứa nhỏ khỏi « lặp đi lặp lại như kết mẹ » như ông T. X. nói đó, để nghe coi có lý chút nào không ? Sự dạy địa-dư bắt đầu ở lớp nào có hai điều bổ ích : bổ ích về thiệt tế (utilité pratique) để cho đứa nhỏ biết, và bổ ích về trí-dục (éducation intellectuelle) để mở những khiếu quan-sát (observation), tưởng-tượng (imagination), lợi luận (raisonnement) và mạnh nhớ (mémoire) của con trẻ.

Ở lớp Đồng-Ấu đã có dạy những cù-lao, doi, vịnh, núi, sông, ngòi, rạch, v. v. rồi, bước qua lớp Dự-bị, khởi đầu, nếu ông thầy biết dạy thì phải ôn lại những cái đã thấy ở lớp dưới. Rồi mới bắt qua chương trình lớp mình được. Dạy địa-dư không phải viết một bài toát yếu lên bản, rồi chỉ lấy thước lên bản cắt nghĩa qua loa, nghĩa là làm một bài tập đọc có giảng giải (lecture expliquée) được. Phải vẽ bản đồ lên bản, phải có hình (người, nhà, kính-dó, núi, sông, v. v.), những cái kêu là khi cụ để dạy bài (matériel de la leçon).

— Nếu phải dắt dẫn học trò ra sân hay là đến sông lạch gần đó được thì phải phải làm ngay. Tóm tắt, phải làm thế nào cho cả học-trò đều vui ngộ mà hiểu hết bài dạy của mình vậy. Ở lớp Dự-bị với học-trò còn nhỏ, chương-trình dạy mấy xứ xa lạ chẳng qua là người thảo chương trình muốn chúng nó biết những xứ có trên địa-cầu này. Biết là biết sơ qua, như nước Pháp từ cần là những gì, kính dó tên gì, đủ rồi. Về địa-dò nước Pháp trên bản, chỉ nước Pháp trên trái đất (globe terrestre), đưa hình có người Langsa dón ông, dón-bà, con-nít, hỏi học-trò biết ai là người Pháp, đưa hình có phố phường ở Paris cho học-trò coi, v. v. Hỏi học-trò, bảo nó kiếm trong hình để trả lời, dạy như cách trên đây đầu cái chương-trình không được như ý, ông thầy cũng có thể dạy có bổ ích cho con nít được !

Bây giờ chúng ta xét qua coi trường sơ-dãng có mục-dịch gì và luôn dịp sẽ nói đến chỗ lợi-hại của chương-trình trường ấy, làm vậy để cho người ta, mà nhất là ông T. X. không thể nói tôi cố bành vực cái chương-trình ấy một cách tây vị được.

Trường sơ-dãng có cái mục-dịch mở các khiếu thông-minh của đứa nhỏ, nghĩa là ở trường sơ con nít học để mà học (les enfants apprennent à apprendre). Đầu sau đứa nhỏ không được học đến cùng thì ra ở đời, nếu nó có chí và có ngày giờ thì nó tự học lấy cũng được. Trường học ở xứ ta còn kèm thêm một cái mục-dịch nữa. Nhưng tôi không nói đến, vì mình đã chịu đi học chữ Pháp, mình cầu học Pháp thì không chạy chối đầu khỏi mà hông nói đến.

Chương-trình ở trường sơ-dãng của nhà-nước ra sao ? Chương-trình phân ra hai đẳng : một bên đệ nhất đẳng sơ-học (1er cycle primaire) từ lớp Đồng-Ấu tới sơ-dãng, một bên đệ nhị đẳng sơ-học (2e cycle primaire) từ lớp trung-dãng đệ nhất niên tới lớp cao-dãng. Bên đệ nhất đẳng sơ-học thì học rộng quốc-văn chỉ xem chút ít Pháp-văn ở lớp sơ-dãng. Bên đệ nhị đẳng sơ-học thì học rộng Pháp-văn chỉ xem chút ít quốc-văn.

Cái chương-trình như ấy là mới cải sửa ít năm nay đây. Hồi trước chỉ học chút ít quốc-văn, còn thì Pháp-văn thôi. Kết-quả không được tốt vì khi con nít ra trường rồi là phần đông hơn hết chữ Pháp dùng không được là lẽ cố-nhiên, đến chữ ta lại u ơ mới là hại cho chớ ! Thế thì mấy năm học ở nhà trường với cái chương trình như vậy là mấy năm rất vô ích.

Bởi vậy trong nước lúc đó có một cái dư-luận về sự cải-cách chương-trình ở trường sơ. Rồi

trước ông Phạm-Quỳnh, sau ông Nguyễn-phân-Long có thỉnh cầu về việc cải-cách ấy. Cho nên cái chương-trình mới sửa đổi ra ngày hôm nay đó vậy.

Dạy quốc-văn không phải là hai. Người ta cứ tin chắc rằng các môn quốc-văn dạy ở nhà trường là các môn con nít đều biết hết. Như thế là làm lầm ! Ngũ quan (1) của đứa nhỏ cần phải luyện tập đúng phép mới trở ra tinh xảo được mà trí thông-minh của nó cũng nương theo mà tỏ rõ ra. Những môn dạy bằng quốc-văn ở nhà-trường đều có cái tánh cách để mở các khiếu thông-minh của đứa nhỏ ra cũng như các môn dạy bằng Pháp-văn bèn nhị-dãng sơ-học. Thế thì dạy quốc-văn không phải là có hai. Người ta thường quên rằng hề muốn học một thứ tiếng nào cho mau hay thì trước hết phải rèn tiếng mẹ đẻ của mình đã.

Phải ! Người ta hay trách cái chương-trình bây giờ làm mất ngày giờ học Pháp-văn. Học Pháp-văn để vào trường Cao-dãng sơ-học, Trung-dãng-học hay là Cao-dãng-học, để sau làm quan, mà đầu không được thì ra xin việc nhà-nước hay là xin sở tư làm việc cũng nuôi sống được. Nhưng vậy cái học Pháp-văn của người ta muốn đây là cái lối đọc sách xuôi rọt và nhờ thuộc lòng nhiều. Lối đó trong khoa Sa-phạm kêu là nói kết (psittacisme). Lối đó không ích lợi vào đâu hết. Cái sức học và hiểu của một đứa con nít có chừng mực, có giới hạn, không có thể ràn ép được (gaver). Mà có ràn ép ra thì chỉ có hại cho đứa nhỏ, cho tinh-thần của đứa nhỏ không mà thôi. Sự dạy hay không ở chỗ ràn ép mà chỉ ở chỗ lập đi lập lại (répétition). Lại người ta không trọng ở chỗ dạy nhiều (quantité) mà ở chỗ dạy hay (qualité) đó. Hai điều này rất là cần yếu trong khoa dạy học ngày nay, chúng ta không nên quên.

Cái hại về sự dạy quốc-văn có là ở cái bằng tiêu-học. Bằng tiêu-học có môn thi Pháp-văn tây y (épreuves facultatives) nếu rớt hai lần thì đứa nhỏ phải bị sa thải. Thế thì cái bằng tiêu-học là cái trở ngại bước đường học văn của con trẻ đó ! Vì nó mà mỗi năm có biết bao nhiêu con nít chưa chắc là ngu muội, chưa chắc là không có sức học, phải ôm sách trở về nhà !

Đó là những chỗ lợi hại của chương trình mấy lớp tiêu-học (classes élémentaires). Những môn định dạy trẻ em vì có tánh cách mở trí của đứa

(1) Cứ như xưa nay thì có ngũ quan. Thiệt ra còn làm cái quan nữa.

nhỏ nên không phải là vô bổ? Ông Tịnh-Xuân trách rằng chương-trình không liên tục nhau. Liên tục nghĩa là gì? Chắc là có môn có loại, môn dạy ở môn, loại nào thì phải đủ môn này. Cái đó in như đề cho trường Cao - đẳng học hay là Cao - đẳng sơ - học thì phải hơn! Nói thế không phải là các môn dạy hạ đầu dạy đó. Cũng sắp ra có môn có loại, có thứ tự theo phép tất Sư-phạm chứ! Có điều không đầy đủ đó thôi. Mà đầy đủ làm sao được ở trường sơ - đẳng? Bên đệ nhị đẳng (2^e cyle) cũng vậy, các môn cần yếu ra ở đời dạy ra cũng bốn bản, mà lại cũng phân biệt ra có môn có loại hết.

Cách dạy văn đọc nguyên chữ hay là methode globale không đáng tội lãnh mấy lời trách cứ của ông Tịnh-Xuân. Trái lại, cách dạy ấy đáng khen và đáng mừng cho em trẻ lắm chứ. Sự lợi ích của cách dạy ấy là những gì? Đây tôi xin nhường lời lại cho ông bạn của tôi là Nguyễn-văn-Phác là người đã kiếm ra một cách dạy ráp nguyên tiếng, hay dờ thế nào, xin mời bà con xem thử:

Những chỗ hay của cách dạy đọc nguyên tiếng

1- Khi trẻ con mới biết nói có khi nào mẹ nó dạy nó nói chữ a, chữ i, chữ y, chữ g, đầu. Hễ dạy thì chỉ này cái tó, cái ly, này cha, này má, v. v... Trẻ con đã biết nhiều tiếng hữu hình rồi, bây giờ ta lấy những tiếng ấy dạy lại, như dạy đủ hơn: *tập nói, tập viết, tập vẽ, tập suy-xét và biện-luận*. Bởi vậy, nên theo cách này là phương-pháp tự-nhiên (processus naturel) thì chúng ta đạt được cái mục-dịch yếu-trọng của trường tiểu học: *Mở trí cho trẻ em*.

Ở các trường bên Âu, bên Mỹ, người ta lo mở trí học sanh cho đến đời muốn dạy học tới ngày ngoài đường, ngoài đồng, trong rừng, có khi ngoài biển (đi tàu từ xứ này tới xứ kia). - Trẻ con lúc còn nhỏ thì cha mẹ nó mở trí chúng nó bằng cách du-ngoạn; đi tới chỗ nào, gặp cái chi lạ thì bèn hỏi nó, tập nó quan-sát.

2- Dạy theo kiểu này vui lắm, học trò thấy môn đồ, rờ, ngửi, nếm, nghe, v. v... Học mà được vui như vậy trẻ em ham học lắm. Giáo-chức thử dạy theo cách này rồi sẽ thấy học trò biết nói nhiều chuyện bất ngờ chúng nó đang khôn lanh vậy.

3- Hễ ham học thì tự nhiên nhớ nguyên chữ, hễ thấy hình cái tó thì biết đọc chữ tó, (1) biết viết chữ tó trẻ em hiểu sự hữu ích của chữ viết để

(1) Đây là dựa vào một cái luật ở tâm lý học kêu là « loi de l'association des idées » dịch là thấy cái này suy ra cái kia. (Lời gạn của Khả-Gia)

thể cho tiếng nói trong sách. Nếu mới vào trường óc còn non, trẻ con còn khờ dại mà bắt phải học tới ngày những chữ h, chữ r, chữ p, q, thì chúng nó buồn quá...

4- Chừng học trò biết đọc rồi thì chúng nó đọc dừng suôn sẻ, không ngập-ngừng, không rặng từ tiếng, không cà-làm, không kéo dài mà lại còn đọc *dùng sửa và trũng giọng nữa*.

5- Tiếng Annam là tiếng một (monosyllabique) khác hơn tiếng Pháp, nên dùng cách dạy này mà dạy chữ quốc-ngữ thì tiện lắm. Chữ Hán-tự là khó mà ta học còn dừng thay, huống chi là chữ quốc-ngữ.

NGUYỄN-VĂN-PHÁC

(Rút ở Sư-phạm-Học-khoa số 2 — Octobre 1932)

Mà phải dạy cách thế nào? Dưới đây cũng là lời của ông Nguyễn-văn-Phác.

VÀI LỜI CHỈ DẪN

(*Quelques conseils généraux*)

Mở trí trẻ em! Bồn phần chúng ta là hằng ngày phải tìm kiếm những phương-pháp nào hay để mở trí cho trẻ em. Lúc mới vào trường, trẻ nhỏ còn khờ, óc còn non, mà gặp phải thầy không biết mở trí cho chúng nó, chỉ dùng những phương-pháp cũ kỹ áp bức học trò, môn nào cũng bắt học thuộc lòng không kịp suy nghĩ, không kịp hiểu rõ, thì sau này trẻ em càng ngày càng khờ dại thêm nữa. Các môn dạy ở lớp đồng-ấu mà thầy ép buộc học trò phải mệt trí hơn hết là môn tập đọc.

Vậy chúng tôi xin hiến cho giáo-chức một phương-pháp đọc mới-mẽ, để mở trí học trò hơn những phương-pháp dùng xưa nay, là cách dạy đọc *nguyên tiếng* (methode globale).

1- **Đồ cần dùng để dạy theo methode globale**

1^o Môn đồ thiết. - 2^o Giấy cứng trắng (carton blanc). - 3^o Hình vẽ của môn đồ ấy trong giấy cứng. - 4^o Chữ viết.

1- Năm nay chúng tôi lựa bài dạy theo chương-trình trong manuel de leçons de choses, để cho giáo-chức dễ kiếm đồ dùng dạy.

2- **Giấy cứng.** - Chúng ta nên kiếm thứ giấy cứng, trắng chừng lối 200 tấm, mỗi chữ dạy, viết trong một tấm thôi. Nếu có thể vẽ hình được thì vẽ hình ngay nơi bề trái tờ giấy.

Hình vẽ. - Hình vẽ đừng khéo chừng nào thì tốt chừng ấy, mà hình vẽ chưa phải là đủ, còn phải có môn đồ thiết mới được. Hình vẽ có khi làm cho học trò lầm tưởng tới môn đồ khác, chứ với môn đồ thiết thì làm sao chúng nó lầm được.

Hình vẽ giúp chúng ta dễ dạy viết mò, giúp học trò dễ học ôn lại, và làm cho trẻ em ham mến về mỹ-thuật.

Chữ viết. - Chữ đứng thì tốt hơn hết. Chữ này làm cho học trò dễ bàn đá hoặc tập vở ngay thẳng, buộc học trò phải ngồi ngay, và sau này tư-tưởng và việc làm của chúng nó cũng đứng ngay thật nữa. Lại còn chữ đứng, đối với trẻ em, giống chữ in (caractères imprimés) hơn chữ viết nằm. Tỷ như mấy chữ sau này:

tá lá } chữ đứng coi giống chữ in hơn chữ nằm xiêng.
lá lá }

Chữ mà chúng ta viết trong giấy cứng hoặc tập học trò viết trong lúc ban đầu không cần chi cho khéo lắm, miễn là nó giống chữ in và chữ viết, làm cho học trò khỏi phải học lại hai thứ chữ, chữ in và chữ viết. Ban đầu, tập chúng nó đồ lại một chữ mà thầy đã viết sẵn trong bản đá rồi, kể bảo chúng nó coi theo viết lại cho giống chữ ấy (bài tập viết này cũng như bài tập vẽ vậy, vẽ lại cho có cái hình chữ đó thôi, còn về sự khéo léo thì để về sau, khi học trò đã biết viết đứng hơi giống chữ rồi.)

II. - Cách dạy

Tập nói (Elocution et vocabulaire) - Tỷ như dạy về cái tó. Thầy đưa món đồ lên và hỏi: Cái gì đây? - Cái tó để chi? - Trò thấy cái chi ở ngoài cái tó? - Chỉ cái miệng tó, cái lòng tó, cái khu tó. - Tó kiểu với tó đá tó nào già rẻ hơn? v. v...

Tập đọc. - Đưa coi hình vẽ cái tó. Rồi đưa coi chữ viết tó. Bảo mỗi trò vừa nhìn vừa đọc tó.

Trong hai bài dạy thì thầy có thể tập học trò đọc lần đứng rồi. Như trong bài thứ nhất dạy *ó, tó, tó*; bài thứ nhì dạy: *ly, mẽ, bề, bỏ* thì thầy sắp ra đứng như vậy:

tó mẽ - tó bề - ly mẽ - ly bề.

tó bề bỏ - tó bề bỏ - ly bề bỏ.

Những câu này hoặc viết lên bản, hoặc học trò lựa trong mấy tấm giấy cứng ấy mà sắp ra trên bản.

Tập viết. - Thầy đứng xây lưng lại, trở mặt vào bản đen, bảo học trò đưa tay lên trên không, để bắt chước theo điệu thầy viết chữ tó, làm như vậy ba bốn lần. Khi học trò đã biết điệu viết chữ ấy, đã biết khởi tại đâu, rồi dặt nơi nào, kể bảo đồ lại chữ của thầy đã viết sẵn trong bản đá. Nếu học trò viết rồi, bảo chúng nó bắt chước theo đó

mà viết lại một chữ khác cho giống như vậy.

NGUYỄN-VĂN-PHÁC

(Rút ở Sư-phạm Học-khoa số 1- Septembre 1932)

Phương pháp dạy này cốt dạy bằng vật hữu hình để tập con nít quan sát, suy nghĩ, luận-lý, v. v. và tập đọc trum chữ, để tránh chỗ ngập ngừng về sau trong sự đọc. Ở văn xuôi, cũng như ở văn ngược, kiếm những đồ vật dạy làm sao đến một bài rồi thì có thể sắp ra trọn văn vậy. Dạy vậy, thầy giáo đã tránh cho đứa học-trò còn nhỏ quá kia những cái trừu-tượng (abstrait) là cái khó hiểu khó nhớ, nghĩa là cái làm cho con trẻ ngã lòng, sauh chán được! Về cách dạy đọc nguyên chữ trên đây, tôi xin mời bà con xem kỹ các bài ở Sư-phạm Học-khoa kể từ tháng Septembre 1932 trở đi để nghiệm xét coi cách dạy ấy đáng mừng hay đáng lo.

Sách Lectures franco-annamites của ông Boscq mà ông Tịnh-Xuân gọi là « rất hay » là sách ngày nay không còn ở tàn-thơ một trường nhà nước nào tất cả. Vì sao? Vì sách tập đọc của ông Boscq không có kết quả gì lắm. Sách chữ tây mà có chưa tiếng ta, đem dạy, lại bảo không có kết quả chẳng là khó nghe quá? Bài tập đọc tiếng Pháp thuộc về bài học tiếng một (Vocabulaire) hay là nói cho rõ, bài tập đọc là bài đi sau bài học tiếng một, lấy tài liệu ở bài học tiếng một mà làm thành vậy. (Nếu có sách sẵn bài như vậy lại càng tốt.)

Dạy bài học tiếng một có chưa nghĩa bằng tiếng ta là cách dạy củ của trường nhà-nước. Hiện nay người ta đã bỏ và lại cũng cấm không cho dạy cách ấy nữa, vì dạy cách ấy thầy giáo khỏi tốn công và hao hơi để tìm kiếm câu hỏi, chỉ đồ vật, tập nói, sửa lỗi. Tới giờ chỉ lên bản viết mấy chữ có chưa tiếng ta rồi thôi, khoẻ lắm!

Dạy cách nào cho đúng? Trước hết chúng ta xét coi chủ ý bài dạy này là gì. Cho biết tên đồ vật, biết nói chuyện và biết chữ nữa. Như vậy thì cách dạy trực-tiếp mới là đúng (methode directe). Tới giờ dạy thì trên bản đã đủ sẵn các vật dùng để dạy (matériel). Dạy không dùng tiếng ta, chỉ dùng tiếng Pháp không mà thôi. Thầy đưa món đồ ra hỏi, học trò không biết thì thầy nói, rồi thầy bảo học trò lặp lại, còn phải hỏi đưa khác nữa hoặc bảo đưa này hỏi đưa kia. Nếu dạy tiếng verbe thì bảo học trò làm. Trong khi đưa đó làm thì đưa khác nói nó làm cái gì đó, v. v...

Dạy như thế đưa nhỏ đã nói chuyện được mà lại hiểu được nữa. Mỗi khi dạy xong một tiếng thì thầy viết lên bản rõ ràng ngay thẳng rồi bắt

học trò đọc lại, đánh vần kể viết vào giấy của chúng nó. Làm vậy có nghĩa gì? Đứa nhỏ nghe, thấy, nói, viết, bốn cái tri nhớ của nó đều làm việc.

Thế thì mỗi chữ mình đã giao cho bốn cái tri nhớ của đứa nhỏ: nghe mà nhớ (mémoire auditive), thấy mà nhớ (mémoire visuelle), nói mà nhớ (mémoire d'articulation) và viết mà nhớ (mémoire tactile). Trong bốn cái tri nhớ thế nào cũng còn một vài cái còn ghi nhớ chữ đã dạy. Đó là một điều lợi rất lớn. Dạy cách trực tiếp còn một điều lợi rất lớn nữa: Sau khi đứa nhỏ nghe tiếng Pháp nào nó đã có học thì nó liền thấy cái hình vật mà nó đã học tiếng ấy ngay. Còn cách dạy kia, nhiều khi thầy giáo không đem món gì vào lớp để chỉ, vì y có tiếng ta. Thầy tưởng rằng tiếng ta đủ thay thế cho đồ vật được, biết đâu con nít nhiều đứa chưa từng thấy nhiều món thầy dạy nó. Mà vì dầu nó có thấy món ấy, hay là thầy có đem món ấy để chỉ, sau này đứa nhỏ nghe cái tiếng nó đã học thì tri hiểu của đứa nhỏ đi từ tiếng nghe qua cái hình vật của tiếng ấy, rồi qua tiếng của ta, sau rồi mới trở lại tri hiểu. Đường hiểu này dài hơn đường hiểu của cách dạy trực tiếp vậy.

Phải nói đồng dài như vậy rồi mới có thể nói đến bài tập đọc toàn bằng chữ Pháp. Bài tập đọc đã là bài gom góp tài liệu ở bài học tiếng một, đứa nhỏ đã hiểu những tiếng học ở bài tiếng một rồi thì có thể hiểu bài tập đọc bằng tiếng Pháp. Nó càng được hiểu nhiều hơn, khi nào ông thầy lựa bài có vẽ hình, lấy hình ấy xem chung để cho ra rõ rệt cái nghĩa của bài đọc ấy và ông thầy đọc lại có bộ tịch (geste) ly thú. Chúng tôi đã có thí nghiệm rồi, kết quả mỹ mãn lắm!

Dạy vẽ và công-nghệ mà ông T. X. cho là nhiều quá, nghĩa là không bỏ ích bao nhiêu thì ai hiểu sự ích lợi về khoa vẽ và khoa công nghệ cũng phải lấy làm lạ.

Họa khoa (dessin) không phải là một khoa dạy không cần ích. Khoa dạy ấy cũng có tánh cách trí dục (caractère éducatif) như các bài khác vậy. Không những dạy vẽ chỉ tập tay cho nhuần, mà còn tập đứa nhỏ coi cho rành, cho đúng, tập cho nó quen thói quan sát, mở rộng khiếu tưởng-tượng (imagination) và sự cảm giác của nó đối với cảnh vật (nature) chung quanh mình nó. J Jacques Rousseau có nói: « Tôi muốn cho đứa học trò của tôi tập khoa vẽ, không phải vì khoa ấy mà chính để

tập cho con mắt nó dùng dần và tay nó nhuần nhả. » (Je voudrais que mon élève cultivât l'art du dessin, non précisément pour l'art même, mais pour se rendre l'œil juste et la main flexible). Herbert Spencer cũng nói về khoa dạy ấy như vậy: « Câu chuyện không phải dễ biết đứa nhỏ có vẽ được tốt đẹp không, mà chỉ dễ coi nó có mở rộng các khiếu thông minh của nó không vậy. » (La question n'est pas de savoir si l'enfant fait de bons dessins, mais s'il développe ses facultés).

Về khoa công-nghệ (travaux manuels) sự ích lợi cũng không thua kém khoa dạy nào hết. Dạy công nghệ có ba điều lợi ích: 1° giúp thể thao, 2° về thiết kế và 3° về tinh thần. Con trẻ có một cái dư sức phải xài, công nghệ giúp cho con trẻ máy động vậy. Nó luyện đứa nhỏ được dẻo (souple), lanh (rapide) trong sự dạy động (mouvement). Đó là lợi ích về thể-thao.

Phần nhiều con trẻ có điều ham mộ (vocation) mà nó không biết được. Khoa công nghệ chỉ dẫn nó vào điều ham mộ của nó cho nó biết một cách rõ rệt. Nó chưa làm công việc nó ưa mà ngay bây giờ nó đã sanh lòng yêu mến rồi vậy. Đó là lợi ích về thiết kế.

Đứa nhỏ quen cầm dao, kéo, đục, cưa, v. v. rồi lại ham cầm đến, gia công làm cho tốt đẹp khéo léo. Đứa nhỏ sẽ thấy cái nghề làm bằng tay (travail manuel) không phải hạ tiện hơn nghề làm bằng trí (travail intellectuel) nếu người ta gia tâm làm cho tròn hồn phần. Kết quả « nhiều cái thành kiến sẽ tiêu ma, nhiều sự ghình chống giữa hạng dân tiểu mạt: sự hóa ái của xã-hội sẽ tạo ra cả mấy cái bản học của trường sơ-dẳng vậy ».

(Bien des préjugés disparaîtront, bien des oppositions de caste s'évanouiront: la paix sociale se préparera sur les bancs de l'école primaire). Đó là sự lợi ích về tinh thần.

Vả lại, cái gì đứa nhỏ làm lấy thì nó hiểu một cách thấu đáo, không bao giờ quên dặng. Ở Hiệp-chúng-quốc (Etats-Unis) người ta hay có tánh báo dị, có trường các môn dạy đều làm thành một bài công nghệ hết! Thế thì biết người ta hiểu sự lợi ích của khoa công nghệ là dường nào!

Tôi chỉ còn nói qua sự học làm toán bằng tiếng Langsa, chữ chương Langsa ở lớp Đồng-ấu. Tôi không biết ông Tịnh-Xuân muốn phá người ta mà bảo vậy chăng hay là ông nói pha lửng để cười chơi! Học chữ-chương (table de multiplication) hay là

học làm toán mà nhứt là học làm toán, ở lớp Đồng-ấu hay là bắt cầu ở lớp nào, nếu chỉ dùng cái trí mạnh-nhờ không, thì tôi đồ ai làm sao mà làm cho được, nếu không hiểu ý nghĩa của mỗi phép toán. Đứa nhỏ lớp Đồng-ấu học chữ quốc-ngữ chưa xong, mà lại bảo học chữ-chương học làm toán bằng tiếng Pháp, thì có nói làm sao nữa giờ!

Kết luận bài này, tôi xin bắt chước cái giọng của ông Tịnh-Xuân mà nói như vậy: Tôi không dám bắt chước nhiều người bảo người mình không có học thức gì rào mà khi không dám nhảy đại làm mặt văn-sĩ, thi-ông, chánh-trị, triết-lý, sự-phạm, v. v. tôi chỉ xin ông trước khi muốn bàn về một vấn đề nào, hãy đo lường, quan sát, khảo cứu một cách cho tường tận đã.

KHẢ-GIA
lại cáo

Bản báo có tiếp được số bạc 8500 và 2520 của 2 vị nặc danh và có B. có T. ở làng Tăng-hòa Gocông gửi quyền giúp nạn bão lụt ở Phú-yên, trong đó có 1p. quyền cho nạn lửa cháy ở Cầu Rạch bần. Số bạc này Bồn-báo đã giao cho Hội Nam-kỳ Cứu tế Nạn-dân ngày 5 Janvier 1933. Vì quý vị hảo tâm trên đây không có đề địa chỉ cho nên không thể gửi biên lai đến được.



Đã ra trọn bộ

TÁC GIẢ:
ĐÀO-DUY-ANH

6.000 chữ đơn
40.000 tiếng kép
Định giá mỗi
bộ 2 quyển 6\$50

Hai quyển đóng làm một, bìa vải, chữ thép vàng thật giá... 8\$00 (ở xa thêm 0\$50 cước).

Mua tại các nhà buôn và nhà đại-lý không tính tiền cước.

Các nơi có trữ bán ở miền Nam:

Hàn-lâm	Phan-thiết
Phụ-nữ Tân-văn	Saigon
Tín-đức Thư-xã	Saigon
Vi-Tiên, 42, Amiral Courbet.	Saigon
Tổng-phát-hành	Quan-hải

27, Rue Gia-long — HUẾ

Hỡi các đồng bào!

Chúng ta nên tưởng tới trẻ con nhà nghèo



Đồng-bào độc-giả chắc ai nấy cũng đều có nghe nói đến viện « Duc-anh » của phụ-nữ Việt-nam đã mở ra tại đường Huỳnh-quang-Tiên, số 58.

Từ khi mở cửa đến giờ, viện

« Duc-anh » này đã nhận lãnh cũ thấy được chứng sáu chục đứa trẻ nhỏ.

Nay nhơn dịp lễ Tết ta sắp đến, Viện tinh tổ chức một ngày, kêu là « Ngày vui của trẻ con nhà nghèo » (La journée des enfants pauvres annamites) tại viện để phát những đồ chơi, (1) cho những trẻ con nhà nghèo đã được viện nhận lãnh từ ngày 28 Novembre 1932, nghĩa là từ khi viện mới bắt đầu mở cửa đến giờ.

Bởi vậy, viện chúng tôi rất mong rằng quý-vị thương-gia tây nam sẽ đoái thương số phận con trẻ nhà nghèo và sẵn lòng giúp vào cho cái « Ngày vui của trẻ con » thêm có vẻ tốt đẹp rực-rỡ.

Ngài nào huệ-cổ mà cho đồ thì xin cứ gửi ngay đến số nhà 58 đường Huỳnh-quang-Tiên, bồn-viện sẽ có biên-lai nhận lãnh hẳn-hỏi.

Đến ngày phát đồ chơi cho trẻ em nhà nghèo, nếu quý ngài thông-thấu, thì xin quá bước đến bồn-viện để dự cuộc cho vui thì chúng tôi lại càng cảm bội thanh-tinh nhiều lắm.

Hội Dục-Anh Cần cáo

(1) Cón quần áo mặc tết thì bồn hội đã phát trước hôm ngày 9 Janvier.

TIỆN LỢI! TIỆN LỢI!

Dầu « MĂNG » giá rẻ, trị bệnh rất hay, thường kêu là dầu ĐẶNG-THỨC-LIẾNG nhãn hiệu « BÔNG SEN ».

Giá bán mỗi ve Op. 18, nguyên 16 12 ve 1\$60, có gửi bán khắp nơi.

Ông ĐẶNG-THỨC-LIẾNG là thầy thuốc Annam có danh ở Lục-lĩnh 40 năm rồi, đã từng chế đủ thứ cao, đơn, huồn, tã, để trị bệnh cho đồng bào ta, có nhiều người cảm ân, và xưng tụng rất nhiều. Ông Đặng-thức-Liêng hiện kim ở tại số nhà 99 bis đường La Grandière, sau chợ mới Saigon.

Xin chớ tồn lưu ý.

TẬP DỊCH VĂN TÂY • CON CHIÊN CÁI CỦA CỤ SEGUIN

Cụ Seguin nuôi nhiều chiên, nhưng không được măn-nguyên.

Cụ bị mất mấy con dê cùng một cách hết: một buổi sáng kia, chúng nó cắn đứt dây, trốn lên núi, rồi bị chó-sói ăn. Sự vô về của chủ, lòng sợ chó-sói, không thể cầm chúng nó lại được. Có lẽ đó là những con dê tự chủ, chỉ muốn sự khoáng-khoát và tự-do.

Không hiểu nổi tánh-tình của mấy con thú. Lão Seguin rầu hết sức. Lão nói: thế thì thôi mấy con dê đã không chịu ở nhà ta thì ta sẽ không nuôi một con nào nữa cả.

Nói thế, nhưng cụ không thôi chí, và sau khi bị mất luôn sáu con chiên cùng một cách, cụ bèn mua con thứ bảy; nhưng lần này cố ý đem về khi nhỏ cho dễ tập-tành.

Đẹp thay con dê của cụ Seguin, đẹp thay cặp mắt hiền từ của nó, đẹp thay bộ râu nganh-trẻ nhà-bình, móng đen-ánh, cặp sừng rần-rện, lông dài và trắng, phủ cả mình nó như áo rộng. Nó đẹp gần bằng con chiên của Esméralda. Và lại nó dễ dạy, dễ thương, và đứng tự-nhiên cho nặn sữa, không dậm chân vào thùng: cái tánh dễ thương của một con chiên con.

Sau nhà cụ Seguin có một vạt cỏ rảo gai, nơi cụ dùng để nuôi người « khách mới ». Cụ cột con chiên con nơi nọc, chỗ cỏ ngon, và cố ý để sợi dây thật dài, rồi thỉnh-thoảng cu lại ra thăm. Chiên sung sướng lắm, cứ thật lòng ăn cỏ; thấy thế, cụ Seguin cũng thích lòng.

— Dữ không! bây giờ mới ngó thấy một con chiên chịu ở nhà ta.

Cụ Seguin lắm rồi; con chiên con của cụ nó đã phát chán. Một ngày kia, vừa ngó núi, con dê nghĩ rằng: « Còn gì thú bằng ở trên đó; có thú gì hơn thú nhảy trên những bụi cây, nếu ta không bị sợi dây ác-nghiệt này ràng buộc cổ ta. Nếu như lửa hay bỏ ăn cỏ trong vạt này thì được, chứ giống chiên ta cần phải rống ròi. »

Từ đó về sau cô nhà cụ Seguin hình như lại mui; sự buồn rầu ở đâu kéo lại, nó ốm lần-lần, sữa cũng ít. Thấy cả ngày nó chỉ lúi sùi dây, đầu chằm về núi, lỗ mũi hình miệng kêu me me... rất buồn, mà thương. Cụ Seguin biết con dê của mình có tâm-sự riêng, nhưng lại không hiểu tâm sự gì. Một bữa sáng kia, sau lúc nặn sữa rồi, con chiên dạy lại, dùng tiếng thổ-ngữ mà rằng:

— Ông Seguin, ông hãy nghe đây; tôi chết buồn ở nhà ông. Thôi, ông cho tôi lên núi.

— Ôi trời ôi, con này cũng vậy à! Cụ Seguin ngạc-nhiên, la to lên; cái thùng sữa liền rớt dưới đất rồi cụ ngồi xuống cỏ, gần con chiên.

— Sao? Blanquette, con cũng muốn đi à?

— Dạ thưa ông phải.

— Ở đây thiếu cỏ hay sao?

— Không đâu ông Seguin ạ!

— Hay là dây cột cut lắm? con muốn nói dài ra không?

— Không cần gì, ông Seguin!

— Vậy còn thiếu vật gì? con còn muốn việc gì?

— Con muốn lên trên núi, ông Seguin ạ.

— Ôi! đồ khổ nạn! mày không biết trên núi có chó-sói sao? Gặp nó, làm sao mày chống cự lại?

— Thưa ông, con sẽ cho nó vài cú sừng này.

— Chó-sói kẻ gì sừng chiên! nó ăn biết mấy con chiên của ông có sừng như vậy; mày nên biết rằng năm ngoái, con chiên già Renaude ở đây, nó mạnh, nó dữ như một con chiên đực; cả đêm nó chống cự với chó-sói, rồi sáng ngày cũng bị chó-sói ăn.

— Ôi, tôi thay cho chị Renaude! nhưng không sao đâu ông Seguin! ông hãy để tôi lên núi!

— Đức thượng-đế giàu lòng bác-ái ơ! sao xui dê ta như vậy? đó cũng một con dê đem nạp thịt cho chó-sói nữa. Nhưng mà không, mặc kệ mày, tao phải cứu mày. Muốn cho mày khỏi cần dây, tao đem nhốt mày trong chuồng; mày sẽ ở đó luôn luôn.

Liền theo đó ông Seguin ôm con chiên vào chuồng tối. Đóng cửa kỹ-càng, nhưng khổn thay, ông quên nghĩ đến cửa sổ. Ông vừa xoay lưng, thì con chiên phốc ra...

Chiên trắng tới núi: cảnh vật tỏ sắc hân hoan. Không khi nào thấy mấy cây « xa-banh » già còn đẹp như vậy. Cảnh-vật rước nó, như rước một bà hoàng-hậu con con. Mấy cây lặt (châtaignier) cúi sát đất, vuốt-vé nó ở đầu cành. Các hoa nở vàng rực, mùi hương ngào-ngạt. Cảnh-vật trên núi đều làm lễ chào mừng con chiên trắng.

Chị chiên ta vui sướng lắm: không dây, không nọc, không có gì cấm nó nhảy, nó ăn. Thật chỗ

đó đầy những cỏ, cao tới đầu sừng! Ôi mà thú cỏ gì! ngon-ngọt như rút như rặng, đủ cả ngàn thứ. Thật khác hẳn với cỏ nhà cụ Seguin. Còn các thứ hoa nữa, có hoa xanh to, hoa đỏ có đài-hoa dài; một rừng hoa đầy chất mật ngọt nồng. Con chiên trắng thỏa-thích được nữa chừng, nằm ngửa chân chống lên trời, lăn trên bờ, lộn với lá và trái cây rụng. Rồi nhảy dựng dậy. Vụt một cái nó đi, đầu ngay ra đằng trước, khi băng bụi bờ, khi nhảy qua tảng đá, khi lộn qua khe, khi trèo lên, khi nhảy xuống, khiến người ta có thể tưởng rằng đó là mười con dê của cụ Seguin.

Thật con Blanquette không sợ gì hết. Nó nhảy một cái một qua các suối to, làm cho bọt, nước văng tứ-tung lên; nó mệt, nằm trên tảng-đá, phơi mình ướt dưới mặt trời. — Có một lần đi qua trên một cái cao-nguyên, rặng cỏ một cái hoa, thấy dưới cảnh đồng nhà cụ Seguin và vạt cỏ ở sau mà nó phát cười ra nước mắt:

— « Ôi nhỏ thay! làm thế nào mà ta ở trong đó được », nó nói thế.

Thương-hại thay con chiên kia! khi được leo cao như vậy nó tưởng nó to gần đồng quĩ địa cầu. Tóm lại, ngày ấy thật là một ngày sung-sướng nhất của con chiên cụ Seguin.

Được nửa ngày, đang lúc chạy rong chơi, nó gặp một bầy thú đang nhai cây nho rừng. Con chiên trắng tới làm cho cả bầy đều phải chú-ý. Các con thú ấy biểu nó chỗ ăn ngon, rồi các « ông » hết sức ăn-cần. Hình như một con thú lông đen được hân-hạnh làm vừa lòng cô Blanquette. Hai người tình-nhân-mới đi rong trong rừng được một hai giờ gì đó, và muốn biết chúng to-nhỏ những gì thì chỉ có hỏi mấy cái suối róc-rách mép dưới rong.

Thình lình gió trở nên mát; núi tím lại: chiều.

— Ừ mau vậy à! con chiên vừa nói vừa ngạc-nhiên đứng lại. Dưới thấp sương-mù che lấp cảnh đồng. Vạt cỏ sau nhà cụ Seguin mất trong đám mù, cái nhà nhỏ chỉ còn cho thấy nóc và một chút khói. Nó nghe tiếng lục-lạc của bầy thú về chuồng mà tâm-hồn nó phát buồn-tan. Một con chim vỗ ð, bay ngang, cánh phớt mình nó, nó rùng mình! Rồi trên núi một tiếng ghê-gớm xuất hiện:

« Hù, Hù! »

Nó mới nghĩ đến chó-sói (cả ngày con chiên đại dột ấy không nghĩ đến chó-sói bao giờ). Trong lúc đó xa xa, trong lũng núi tiếng còi kêu gọi: ấy cụ Seguin gắng tìm nó một lần cuối cùng.

— Hù, hù, tiếng chó sói gầm.

— Vê, vê, tiếng còi gọi nó.

Con Blanquette muốn về liền. Nhưng nhớ đến nọc dây, hàng rào, nó nghĩ khó ở theo cảnh đó được. Thôi tha ở lại cho xong.

Tiếng còi thôi gọi, con chiên nghe đằng sau có tiếng lá sột-sạt. Nó dạy lại thấy trong tối hai cái tai cụt ngay đơ với hai con mắt có ngời... Chó sói!

To lớn, yên lặng, ngồi trên hai chân sau, con chó-sói ngó chừng con chiên kia sẽ vào miệng nó nên nó không nồn gì; nhưng khi chiên dạy lại ngó, chó sói mới cười một cách gay-gắt dữ-tợn: « Hà, hà, con chiên con của cụ Seguin đó à. »

Rồi cái lưỡi to lớn đỏ chét liếm lấy cằm.

Con Blanquette bây giờ biết mình sắp chết. Một lúc nó nhớ lại chuyện con chiên già kịch liệt chống cự cả đêm với chó sói rồi đến sáng cũng bị ăn. Nó nghĩ thà để cho ăn tức thì. Rồi nó lại nghĩ lại, nó đứng thủ-thế, sừng chia ra đằng trước, thật đáng một con chiên bạo-dạn của cụ Seguin như nó vậy. Không phải nó có hy-vọng giết chó sói, — mấy đời dê giết được chó sói! — nhưng để coi chống lâu được như con chiên già hay không.

Bây giờ con thú dữ-tợn đi tới, rồi cặp sừng con chiên bắt đầu múa. Con chiên con hết sức hết lòng làm sao! Hơn mười lần nó làm cho chó sói lui lại để thở. Trong mấy lúc đình-chiến được một phút, con chiên ham ăn lập tức hải một sợi cỏ yêu-qui, ngậm vào miệng rồi lại kịch-liệt tranh đấu. Trận tranh-đấu được suốt đêm.

Thỉnh-thoảng con chiên thấy sao nhấp nháy trên trời thanh, nó nghĩ:

« Cần gì, miễn ta cầm-cự tới sáng thì thôi... » Hết cái này, sang cái kia, các ngôi sao lần-lượt tắt lần. Con Blanquette hết sức mùa cặp sừng, chó-sói hết lòng khoe cặp răng....

Ánh sáng lơ-mờ xa tận chân trời, tiếng gà inh-ôi bắt từ làng xóm đưa lên.

« Thôi rồi! » con thú khổ nạn than. Nó không đợi được đến sáng mà chết, nó nằm dài trên đất, áo lông trắng nhuộm đầy những máu.

Liền lúc ấy con chó-sói nhảy chồm lên mình con chiên con mà ăn.

(Dịch bài « La Chèvre de M. Seguin » của Alphonse Daudet.)

PHẠM-ĐÌNH-NGUYỄN
(Nhatrang)

HÃY HÚT THUỐC JOB



CẨM HOA TRỜI, CUỐI THU

Buồn thu, ngồi ngắm cảnh thu tàn.
Trên cầu gió thu đưa mây tan,
Dưới cầu đóa hoa theo giòng chảy,
Trôi từ đầu xóm, nước đưa sang.

Thấy hoa xue cảm tấm lòng mình.
Vi đầu hoa phải cảnh linh-dinh?
Linh-dinh phận mong song đời-đáp,
Bạc-mạng thay hoa lúc còn xinh!!

Hay trận gió vàng thổi đêm qua?
Ghen-hờn chỉ với sắc-hương hoa,
Đánh đổ rã rời buổi xuân sớm,
Chẳng thương chút phận lúc mận-mà.

Hay là mấc phải hợn Mả-ninh?
Chưa chỉ đã vội bề la cảnh,
Thân hoa đến thế đời hoa khổ,
Nên giờ giòng sông cái kiếp-sanh.

Hay là hoa cũng khách tình-trường?
Đau đớn cùng ai nỗi sám-thương,
Lia cội theo giòng mong gặp khách...
Đạt-trôi chim-nổi giữa sông Tương.

Cảm thu, thu đã già ta rồi.
Xót nỗi thân hoa, hoa đã trôi,
Ra về bóng thỏ soi dăng tối,
Đầy đường lá vàng gió thổi rơi....

HOÀI CỐ HỮU

(Mỗi câu có 1 cái liệt-hiệu của mỗi bạn xưa).

Đa-Hữu nào khi nhóm bạn nhiều,
May Lê-Dinh cũ cảnh diu-hiếu,
Mây che Hồng-Nhật mờ non Ái,
Cánh giục Tô-Phang tít dặm chèo;
Tây-Vĩnh đêm trường bờ quanh-quê,
Nam-Âm ngày vắng giòng buồn teo,
Bóng ai? Hàng-Thuận hay Quang-Tuyền,
Trên gác Kim-Tân bật tiếng thiếu.
Lê-Dinh, Gô-Quao (RẠCHGIÁ)

BÓNG HUẾ VÀ ĐÀM MÂY

Đương mùa hạ: trên đời bóng héo,
Thấy mây qua, kêu biều mây rã;
Anh ơi, anh ở trên không.
Theo cánh gió bắc, anh lộng anh bay.
Xin tưới xuống thân này chút nước,
Héo, nhờ anh lại được tốt tươi.

Mây rã: "Ta sẽ nhớ lời,
Hãy chờ — xong việc ta rồi — liệu cho."

Mây đi, bóng chết khô trên đất.
Mây trở về mưa thiết như tuôn.
Mưa tuôn trên xác bóng tàn,
Nhưng đã quá muộn, mưa làm nữa chi?

Kẻ khốn kia, sống ta không đối.
Thường chết đi, ta lại tới mồ.
Vài tiền, gieo tiếc ích gì?
Đầu tiên đầu tiếu ai thì sống lâu?
(Lược dịch bài "La fleur et le nuage" của Lachambaudie).

THỊ-LIÙ

LY-BIỆT

Mới gặp nhau đây có mấy ngày,
Mấy ngày sao nỡ vội chia tay.
Chia tay rồi cũng khi sum hiệp,
Sum hiệp đôi ta sẽ có ngày.

Kẻ ở người đi lưỡng ngậm ngùi,
Ngậm ngùi chim nhận phải lia đôi.
Lia đôi rồi cũng khi sum hiệp,
Sum hiệp đôi ta chán chuyện cười.

TU VINH

Thơ tiên rượu thánh thể mà hay,
Chữ nghĩa ra gì chút mấy may.
Trót đã da mang vài chữ nhất,
Đánh cam đeo đảng mấy câu này.
Đường đời lắm lúc nghe càng chán,
Sự thể nhiều khi nghĩ lại cay.
Mặc kệ buồn danh người bán lợi,
Thơ tiên rượu thánh thể mà hay.

NGUYỄN-DUY-TÝ

SÔNG HƯƠNG-GIANG

Thuận-hóa trời dành chốn để kinh,
Sông-hương trang diễm đẹp hơn tranh.
Đầu nguồn nước chảy đôi giòng biếc,
Mặt nguyệt sông doanh một dải xanh.
Cầu sắt soi hình xe ngựa lượn,
Thành vàng yêng bóng phố phường xinh.
Ước gì dạo thấy thơm như trước,
Hát khúc thương-lang, gõ nhịp sanh!

CHÙA THIÊN MỤ

Dầu biển xưa nay vật đời dờn,
Cỏ hoa chùa Mụ hay còn tuôn.
Tháp xây khu ốc tầng mây cuốn,
Chùa cội lưng rùa cặp đá cội.
Tiếng kệ tiếng ngư văn xướng họa,
Bóng cây bóng nước sắc trong ngời.
Hai mươi tháng cảnh đây là một.
Thiên-mụ chùa linh tiếng khắp nơi.

NGŨ GỤC

Con ma đã thật ớn,
Mới giờ sách ra đọc.
Xui mất nợ riu-riu,
Khien đầu kia gục gục.
Một hàng ngoi a hai,
Mười chữ cũng như chực.
Thôi chờ khuấy ta chi;
Phải đi liền tức-tức!

T. V. Đ.
(Huế)

MỘT BUỔI NGÂM SÔNG CỬU-LONG

Gió chiều thổi bên bờ hiu hắt,
Khúc sông quanh xanh ngát chảy trôi.
Chiếc thuyền khách quê ngược,
Ngâm trông cảnh vật tưởng đời trong mề.

Dầu cầu vui người về ngõ ngẩn;
Cuối bến như vờ vắng trâm tình.
Núi non một dãy xa xinh,
Sông sâu, nước thẳm chấp chính lang thang.

Cây lẩn cỏ hàng hoàng phơ phất;
Làn sóng giao ngày ngất reo hò.
Giữa giòng chú lái bơ vơ,
Đàn chim mỗi cánh bên bờ biếng bay.

Xa xa tít tít mây rời tỏa,
Bóng ở chiều nga ngả đầu non.
Thuyền ai một chiếc con con,
Xông pha sóng gió chập chờn xa xăm.
Nhìn cô quốc một vùng đồ ải,
Hồn quê như kéo rối tấm lòng.
Hai vai thân thể tang lừng,
Biết thân có thể với vòng trần ai?

TRẦN-VĂN-QUÂN
(Vientiane)



17 chánh-trị-phạm ở Hanôl vượt ngục.

Đêm 25 Décembre mới rồi, có 17 người chánh-trị-phạm ở Hanôl nằm đường binh trong nhà-thương Phủ-doãn, thừa dịp lính gác lơ-dĩnh, bèn cửa song sắt mà trốn mất. Hay tin ấy, lính Cảnh-sát và Mật-thám liền túa ra tìm kiếm, nhưng chưa bắt lại được người nào.

Con làm khổ mẹ!

Mới rồi những người ở đường Richaud, gần sở Dây-thép-glô Salgon, nghe có mùi hôi thúi bay vào nhà một cách rất khó chịu, mới đi báo với sở Mật-thám.

Nhà chuyên trách đến nơi tra xét, tìm gặp một đứa nhỏ chết chôn tại đó, chứng vài bữa trước.

Tìm được mẹ đứa nhỏ ấy là một người đàn bà không có chồng, ở đậu với anh chị, rồi có chứa hoang nên mắc cỡ, sau khi sanh ra đứa nhỏ rồi bèn bóp mũi nó mà đem chôn sau hè mình đó.

Ra trước mặt quan Bồi-thăm, người đàn bà kia khai khi sanh đứa nhỏ ra, nó chết liền nên chị ta mới cất anh rở đào lỗ chôn giấu.

Người đàn bà ấy và người anh rở đều bị bắt giam hết.

Vô-vi Kid Morris tự vận.

Hồi 5 giờ chiều ngày 28 Décembre, vô sĩ Kid Morris tự cầm súng bắn vào đầu mình mà tự tử. Viên đạn xuyên dưới bàn tay phía tả ăn luồng qua trán, bình tĩnh coi trảm trọng lâm, chưa biết có sống nổi không.

Nguyên-nhơn vụ tự-tử này cũng tại thất vọng vì tình. Kid Morris phải lòng con gái bà J... giúp việc ở nhà-thương Đồn-đất (Salgon) song bà ấy chê Kid Morris nghèo mà không chịu gả.

Xe-hơi cháy, sếp-phơ chết.

Mới rồi ở chợ Thanh-phủ (Bentre) cái xe hơi của quan Chủ-quận hư, tên bà Kim làm sếp-phơ mới chung dưới dít xe đứng sửa. Không rõ bà Kim vô ý thế nào nhè làm cho dây đèn đụng nhau, nháng lửa bắt đầu sáng cháy. Bà Kim bị sáng đỏ trên mình, lửa cháy tung bừng, đến khi chung ra được và chở đến nhà-thương thì lửa đã quai dí ló. Cái xe hơi kia cũng bị cháy ra tro bụi.

Quan phó Toàn-quyền Graffeul đã qua tới Hanôl.

Quan phó Toàn-quyền Graffeul về nghỉ bên Pháp lâu nay, mới ngồi chiếc tàu Claude Chappe qua tới Hải-phong hôm ngày chưa vượt 1er Janvier này. Lúc ngày đến Hải-phong có ông Norre, Chánh-văn-phòng, viên Đại-biểu của quan Thống-sứ Bắc-kỳ và nhiều thân hào Pháp Nam đến tận bến tàu nghinh tiếp.

Chiều bữa ấy ông Graffeul lên tới Hanôl.

Xã trưởng ăn cấp bạc công-nho nữa.

Mới rồi ở làng Phước-lê là làng châu-thành Baria có đờ bề ra một vụ xã-trưởng ăn cấp bạc công-nho rồi trốn mất. Lê-trưởng-Thoại, làm xã trưởng làng ấy, khi thu thuế của dân, bèn biên-lai biên đủ số bạc thuế, còn bên giáp lại lại biên số ít hơn, lấy của dân đến 10 ngàn đồng bạc thuế!

Nghe nói Thoại ăn cấp bạc ấy để đánh me, vì trong làng có một sông cỡ bạc do một người có thể lực chưa.

Bạc đồng mới đã có người làm giả rồi.

Mấy hôm nay các tiệm buôn khách và ta ở Hải-phong không chịu nhận bạc đồng, cho đến một vài hiệu buôn Tây và sở Dây-thép cũng vậy. Người ta sợ lấy làm bạc đồng giả mà khốn.

Cứ như lời các báo ở Bắc nói thì hiện nay ở Đông-dương ta có rất nhiều bạc đồng giả. Bạc ấy giống in như bạc đồng thật và cũng đúc bằng bạc thật, có đều không phải là của Nhà-nước phát ra mà thôi.

Nghe nói mới rồi nhà bang Franco-Chinois (Pháp-Hoa ngân-hàng) cũng có thu làm đến 130 đồng bạc ấy.

Bạn hàng chợ Saigon không bán ban đêm.

Đêm chưa-nhút 1er Janvier, chung quanh chợ mới Saigon tối thui và hiện ra một cái quang cảnh buồn bực hết sức. Những tiệm hàng lụa của người ngoại-quốc, những tiệm bán hàng Bắc, những hàng sách vở, những quán cơm quán cháo, quán trà huế nước đã chi chi cũng đều đóng cửa, những người đi chợ đêm, không còn một ai bước cẳng đến chợ.

Hỏi ra thì tại Thành-phố tăng tiền cho ban đêm lên bằng hai khi trước, bạn hàng không thể chịu nổi, nên mới đóng cửa nghỉ cho khoẻ.

Bạn hàng chung quanh chợ mới nghỉ từ hôm 1 tây đến nay là 7 tây mà cũng còn nghỉ. Mỗi ngày họ chỉ dọn hàng bán nội một buổi sớm mai mà thôi, vì ban ngày Thành-phố không có tăng tiền cho, còn buổi chiều và ban đêm thì họ dẹp hết.

Phi-công Lefèvre bay ra Hanôl.

Hồi 5 giờ 40 phút ngày thứ tư 4 Janvier, phi công Lefèvre đã nhảy lên máy bay tại sân máy bay Tân-sơn-nhut (Gia-dinh) để bay ra Hanôl giao một cái thư của quan Tổng-trưởng Thuộc-địa Albert Sarraut cho quan Toàn-quyền Pierre Pasquier.

Ở Tân-sơn-nhut, phi-công Lefèvre bay đi Pursat, ghé

Vientiane (Lào) thăm quan Khăm-sư, rồi mới bay thẳng ra Hanói và tới nơi bởi 5 giờ chiều.

⊗ Một sự tiện lợi cho dân Thành-phố Saigon.

Từ nay sử Dây-thép-nối ở Saigon sẽ đặt máy nối từng nhà trong Thành-phố, ban đêm để dây thép có ăn trượt vào nhà, cứ ngồi đây nhận một cái nút chuông, thì các bộ Cảnh-sát biết có ăn trượt vào nhà nào, rồi sai lính đến tận nhà ấy mà bắt Đạo-chích.

Sử Dây-thép-nối bày việc này ra vừa mới mẻ vừa tiện lợi cho dân Thành-phố quá.

⊗ Một cách giỡn chơi thiệt quái gở !

Vừa rồi có hai người lính sơn-dã ở Bắc-kỳ đồng cỡi xe máy đi chơi. Khi họ đi đến Bạch-mai, gần Cống-veng, có gặp một người đàn-bà là Bùi-thị-Trung, đang ngồi rửa chén ở dưới nương lộ. Hai cậu sơn-dã liền rút súng ra nhắm thị-Trung mà bắn, thị-Trung hoảng hồn vọt chạy, hai người lính liền nhắm theo mà bắn luôn 5 phát trúng đầu!

Thiên-hạ hay tin liền chửi thị-Trung vào nhà thương cứu cấp, may khỏi thiệt mạng, và bắt hai người lính ấy. Tra hỏi, họ nói là họ say rượu nên giỡn chơi!

⊗ Vì đánh thuế mất, Chết bỏ thú nuôi mấy con heo.

Bước qua đầu năm 1933 thì công-xi heo chợ Giadinh giao về chủ khác thâu tiền. Theo lệ thường thì cạo 1 con heo nhỏ phải đóng thuế 0\$80, heo vừa vừa 1\$20, heo lớn 1p70. Năm nay kinh-tế khủng-hoàng đáng lẽ thuế phải giảm một chút, song trái lại, chủ công-xi đã chẳng giảm mà lại còn đòi mỗi con heo, dầu lớn dầu nhỏ chi, cũng phải đóng thuế 1p70.

Bọn Chết cạo heo ở Giadinh, trước khi cạo heo có đi hỏi công-xi về giá tiền thuế, công-xi biểu cứ cạo heo đi rồi họ sẽ căn heo mà đánh thuế.

Ngày 1er Janvier bọn khách-trú cạo tới mười mấy con heo, để bán Tết tây, không ngờ công-xi không chịu căn heo đánh thuế, mà bắt mỗi con heo phải đóng đủ 1p70. Bọn khách không chịu, bỏ mười mấy con heo nằm lại công-xi, kéo nhau về hết, và không bán thịt nữa.

Ông Cô Giadinh có cho lính đòi bọn khách đến lãnh heo họ về, nhưng họ cũng không chịu đến lãnh, quyết bỏ heo nằm đó cho thú công-xi chơi!

⊗ Dám ăn cắp con người ta ban ngày.

Chiều ngày thứ bảy 31 Décembre vừa rồi, có một người đàn bà bằng một đứa con lớn ba bốn tuổi lại ga Arras (Saigon) để nó đứng đó rồi lại mua giấy xe điện. Một người đàn bà lạ mặt khác lại thừa dịp ấy, bồng phứt đứa nhỏ kia mà nhảy tới lên xe điện...

Mẹ đứa nhỏ mua được giấy xe rồi, day lại thấy mất con thì hoảng hồn, bồng thấy người đàn bà kia bồng con mình mà nhảy lên xe điện, lật đật nhảy theo giật được đứa nhỏ lại. Có lẽ vì kiếm được con, và sợ mất gói đồ để lại ga, nên người mất con không lo bắt người đàn bà ăn cắp con mình kia, để người ấy đi tuốt thật uống.

⊗ Một trận lửa đốt rụi 21 cái nhà lá ở Long-kiến.

Hồi 10 giờ tối thứ bảy 31 Décembre, một trận lửa thắp lên cháy xóm nhà lá ở Long-Kiến ngay bên đó (Cần-giê) rất dữ tợn.

Thiên-hạ kêu la cầu cứu một lát mới có vòi rồng tới nơi cứu chữa. Lửa đã thiêu rụi hết 21 cái nhà lá của dân nghèo, nhưng cũng may là không thiệt hại đến tánh mạng của ai hết.

⊗ Bị án tù ở Phan-rang, vào Saigon được tha bổng.

Hôm nọ M. Hồ-dăng-Hoàn đem một gói đồ đi gửi cho xe-hơi, kể có lính Thương-chánh ở Phan-rang lại bắt cả người và đồ. Xét ra gói đồ ấy có 11 kilos thuốc phiện lậu và Hoàn khai là mình ở đậu tại nhà người anh em là Nguyễn-thái-Liệu.

Lính đến xét nhà Liệu, chẳng có chi hết, nhưng Liệu cũng bị lôi ra tòa như Hoàn, giam trót mấy tháng trời, mới đem ra xử. Kết quả: Hoàn và Liệu bị án 3 năm tù, 4.000 quan tiền và 23.762\$ tiền bồi thường thiệt hại cho sở Thương-chánh.

Tòa Công-sứ tỉnh Phan-rang làm án Hoàn và Liệu như thế thật nặng nề hai người bèn chống án vào Saigon và cậy Trạng-sư Trĩnh-đình-Thảo bào chữa.

Mới rồi Tòa Saigon đem vụ ấy ra xử. Trạng-sư Thảo đem hết tài hùng biện của mình ra mà biện hộ cho Hoàn và Liệu một cách rất sôi sảng.

Sau khi nghe lời Trạng-sư Thảo cãi, Tòa cũng xét thấy Liệu là người vô tội và Hoàn cũng chẳng phải là người gửi đồ có á-phiện lậu, chẳng qua là lính bắt lộn đó thôi, nên Tòa liền tha bổng Hồ-dăng-Hoàn và Nguyễn-thái-Liệu.

Ông Nguyễn-hảo-Ca Bác-vật sở Canh nông Nam-kỳ có gởi cho Bồn-báo một bài nói rõ về các thứ sâu bọ làm hại cho lúa và chỉ cách bài trừ, nhưng vì kỳ này bài vở đã sắp rồi trước đăng rộng ngày giờ lo số mùa Xuân nên không thể đăng kịp bài của ông Nguyễn-hảo-Ca. Vậy xin quý độc-giả, mà nhứt là các nhà nông nên chú ý đến xem mấy số tới sẽ có bài ấy.

Cứ thứ mà coi

AI đã dùng dầu HỒI-THIÊN đều công nhận rằng là thứ dầu tốt nhất trong các thứ dầu để phòng bệnh trỉ bịch.

Dầu HỒI-THIÊN chế-tạo tại hiệu KHUYNH-DIỆP là một hiệu dầu đã nổi tiếng mấy năm nay, đã được bà-con hết lòng tán-thành và đã gặt được không biết bao nhiêu là giải-thưởng trong các cuộc đấu-xảo kỹ-nghệ, khoa-học ở xứ ta và ở bên Pháp.

Mua bán, làm Đại-lý, gởi thư cho: M. VIÊN-ĐỆ

Distillateur d'essences végétales à HUÉ

Tại hiệu VIÊN-ĐỆ có nhiều món hàng khác, toàn là thứ hàng bán hết sức chạy mà có lời nhiều.

BỜ'Í CỎ ĐÀNG

(Tiếp theo)

Cô muốn một cái nhà lầu, cũng như một đứa con cưng muốn con hình nhò hay một cái bánh vẩy.

Song Đào-Danh t'ấy cô đòi xài số tiền to quá nên cô ý ngán, nói lơ-là rồi bỏ qua; cô mới toan liệu cách nào để làm cho chồng xiêu lòng mà ưng thuận cô mới nghe.

Bởi cô là đàn-bà nên, buổi chiều kia, cô đã nghĩ ra chước:

Cô thật hành ngay....

Mấy hôm sau này, ngoài ra giờ làm việc, Đào-Danh cứ lẩn quẩn ở nhà gần gũi vợ hoai; coi bộ gia đạo vui vẻ như lúc ban đầu; Đào-Danh chịu đi kiếm cho được tiền mà vợ ao ước.

Và chẳng phải khờ khạo gì. Chính mình và cũng nói thầm rằng Tuệ-Lý dùng cách xảo, cho ra ít mà thâu vô nhiều. Song quý hồ là vợ biết học ngón hay để làm cho va « say sưa » vì tình thì xin chi cũng được.

Trong nửa tháng đã có cái nhà lầu!

Ấy vì nhờ dịp bà chủ nhà ấy là Âu-quí-Liên, một cái sắc khuynh thành, một cái ngôi sao tỏa-rạng trong đám bình khang mới dứt đường nhơn nghĩa với người bảo bọc cô là bà tước Vạn-Tai, nên cô phải mất vừa ân-tình, vừa mấy triệu bạc.

Ngôi mình đã lớn, nhụy gần rữa, hoa gần tàn, khó chắc đều phận bạc duyên may, nên cô bán nhà dựng thâu mở vốn. Nhà đó ở đường Lê-bc, thật là một chỗ ở chẳng kém của mấy vị nữ hoàng có thể đem lời của một nhà thi nhân mà nói rằng nơi đó « đêm đêm vàng bạc, ngày ngày gấm thêu » vậy.

Đào-Danh chụp lấy dịp liền. Với số tiền ba triệu quan và được chủ-quyền cái nhà lầu ấy và một mở bà, ghê. Còn lại bao nhiêu với những bình, chậu, tranh, tượng đều bán.

Liền đó, nào thợ hồ, thợ mộc, thợ sơn, thợ lại làm trong ít ngày thì cái nhà trở nên mới, đẹp thêm lên.

Tuệ-Lý định ăn một cái lễ tân gia thế nào cho đủ cả quý khách ở Ba-ri.

Đào-Danh chịu liền. Và mới tình với Mã-Lợi đề mở cuộc mần ăn to ra một cách lạ thường. Ấy

vậy, lúc này rất phải hồi phó-trương sự phú-bào của mình cho thiên-hạ xem đặng biết cái tư-bồn vững vàng và cái thế lực của mình. Thấy cách xài to-lương, mà chỉ có tay van-hộ mới dám thôi, thì ai còn nghi ngại chi mà chẳng xách vàng đến đổ thêm vào tủ mình. Cách làm quăng cáo ấy hay lắm.

Trong một tuần lễ, hai vợ chồng bàn-bạc cả ngàn đều phòng-dịnh về cuộc tân-gia, đều nào cũng mắc-mở.

Rồi thì kêu thợ làm màn, khăm, thợ chưng, tài-từ, kép hát mà thương-nghị, tìm ra đều sắc-sảo, tân-kỹ.

Đào-Danh còn lo nhiều hơn vợ nữa. Rốt, thiệp mời đã gởi khắp kinh-thành, định ngày chùa nhật mừng tám tháng sáu là ngày hi-bạ. Cả Ba-ri sẽ qui-tu lại đây.

HỒI THƯ MƯỜI HAI

VIẾT NHƯT TRINH

— Có gì của tôi không, chú An-Phong?

— Thừa không, kỳ thơ trưa này không có gì hết.

Người hồi trước đó là Đỗ-Liệt. Viên cựu-thơ-ký của Mã-Lợi, hiện nay đã nổi danh là tay viết báo đại tài.

Viên phu-bút trẻ ấy đương bước lên thang lầu của báo-quản mà đến phòng việc.

Tờ « Bari tuần-báo » này đây, tuy mới lập ra độ vài năm nay, song rất được hoan-nginh trong hạng phong-lưu và hạng người phương-phố, nói tóm lại là cũ thấy người kinh-thành.... muốn nói là đa-số làm hay thiếu-số làm cũng được.

Đa-số, là vì rất ít người chịu nhận rằng mình không phải thật dân kinh-thành, miêng là chiều chiều họ có thói rêu theo lẽ đường đảng lòng nghe cả ngàn chuyện xâm-lập mà người ta hay đổ đi đổ lại trong giờ đó.

Thiếu-số, là vì thật người kinh-thành, ta ít gặp lắm. Muốn phân biệt họ thì phải rõ cả tánh tốt và

HÃY HÚT THUỐC JOB

tật xấu của họ, cách ăn mặc vừa lịch-sự, dùng-dẫn, vừa có vẻ sơ-sai; khuôn-mẫu của họ là dung nghi của Banh-dắc, An-ri Mô-nhê, Bai-dơ trông, La-huơ-đăng vân vân... (1)

Kể từ Rách-ti-nhắc, Mạt-sây, Mắc-xiêm-dờ-trai, (2) thì người Ba-ri đã tàn-tiến nhiều; song, nếu cái sở-thích của họ có làm ra nhiều kiểu mới và lạc-thú mới, cái tật cần phải nói-hành của họ vẫn y như cũ.

Ấy vậy, một kẻ tao-nhơn mặc-khách nào mà hằng ngày lại vãng trên khúc đường từ nhà hàng Thái-bình tới nhà-hàng Tề-tướng, thì luôn luôn khao-khát câu chuyện thời-sự nói về tánh-nết của một người đàn-bà, hoặc việc lời-thời của đức vua nào trong thời đó.

Đỗ-Liệt, bắt đầu vào viết báo đã hiểu điều ấy; chàng lại có tài phê-bình thanh-nhã, nên nhờ cái tật của độc-giả mà đặt nhiều bài khiển cho họ thích-hạp lắm.

Chàng cũng có khi bao-biếm, có hơi ác một chút, song chẳng hề chịu nói oan.

Chẳng hề chàng lợi-dụng ngòi viết để đả-tỏa những điều không đáng tinh-khiết, hoặc vu-hại để cầu lợi; cái bổn-lánh hiền-hậu, cần-giữ của chàng khó thể đang cho chàng mấy điều ấy.

Bịa-đặt ra chuyện láo-xược để khen người không xứng-đáng, làm nhục người vô-cang, hầu nịnh-hót, hăm dọa cho có tiền, xoi-bói người vô-cớ cho đã chút thù-vật, mấy điều ấy chẳng hèn-hạ lắm sao?

Như một bài của Đỗ-Liệt viết về nỗi khổ trong việc chánh-trị ở nơi bán-đảo kia, cái bài nó làm cho hạng tri-thức khen tác giả lắm, ông tổng-lý « Ba-ri tuần báo » mới rõ tài đức chàng.

Khi tỏ lời khen-mừng xong, ông tiếp:

— Bài ấy đã hay lắm rồi, sao thầy không huơng

tay thảo luôn một câu chuyện về tình-sử của bà quận-công? Thiên hạ đều biết bà ta dày-dạn lắm mà!

Đỗ-Liệt đáp:

— Dạ phải, thiên-hạ đều biết, song không chắc rằng thiên-hạ họ chẳng lắm. Tánh của tôi, tôi không chịu tin lời đồn-đãi.

« Thừa ông, ông còn thấy nhiều hơn tôi nữa: người đời vì tà-đố mà thường ở ác quá! Bà quận-công đẹp, có thể làm cho người ta càng trông rõ mặt càng ngây-ngất lòng; dầu bề-thể bà đã sa-súc song bà vẫn vui; cái tánh vui của bà có thể xem như một hình-thức của sự lang-chạ; song đều đó chưa chứng đủ rằng bà xấu nết!»

(Còn tiếp)

HÃY HÚT THUỐC JOB



THUỐC XỐ CHIM-ÊN
mỗi hộp giá 0\$25 luôn
luôn có để giầy thưởng
đồ từ 5\$ đến 30\$ mùi
thơm; dễ uống, xỏ êm,
không niết, bỏ đi-vi, tay

sạch đảm độc trừ tuyệt nhiều chứng rất hiểm nghèo.

Thổ thuốc chữ A của hiệu CHIM-ÊN khắp cõi Đông-Pháp ai ai cũng biết nó hay lạ vô cùng, đại tài trị những chứng ác nghiệt quá ghê như: thổ huyết, sống ra huyết, xanh xao kém huyết (đau máu bệnh hậu), xệch bạch đới hạ (huyết bạc). Kinh nguyệt không đều đường kinh lạnh hay đau bụng, tức, biến nhiều chứng đau khó, phụ nữ huyết bệnh sanh ho, nhưc mồi, uống nó hay lắm, tài tình bổ huyết bổ thận, bệnh Tắc uống vô khỏi cớ hết liền, ông bà lớn tuổi uống nó ăn ngủ rất ngon khỏi phải đau lưng mỗi gối ho hen chỉ hết, người không con hoặc hay hư thai cũng nhờ có thuốc này mà sanh con bầy cháu đủ thiệt món thuốc gia-truyền này hay như thuốc thần, danh tiếng kẻ đã trên trăm năm, thuốc dễ lâu càng quý, mỗi nhà có sẵn ít thổ tốt lắm, mỗi thổ giá 1\$50 uống được bảy tám đêm.

Thuốc xỏ và thổ thuốc chữ A nếu không thần hiệu như lời, tôi xin huơng tiền lại.

Saigon mua tại Alphonse Đồng góc chợ mới, có bán lẻ khắp nơi, các nhà trữ bán nhà thuốc có giao cho mười ngàn tờ quảng-cáo in sẵn tên chủ ở của nhà trữ bán dùng hết gửi tiếp luôn luôn, muốn hỏi điều chi xin nhớ để có trả lời; mần-đa và thơ xin để ngay cho: M. NGUYỄN-VĂN-TÔN chủ nhà thuốc CHIM-ÊN

(Cochinchine) & CAIL-NUH

HAI NGÔI SAO AI TÌNH

(Tiếp theo)

Ngô-quế-Thành an hưởng hạnh-phúc gia-đình chẳng được bao lâu thì có tư Son lại từ trần. Con Quế-Anh mới vừa 2 tuổi.

Có tư Son chết, Quế-Thành vật vã khóc than, thương tiếc vô cùng, bởi vì nhờ có mà mấy năm nay vợ chồng Quang-Viên hết giận chàng, lại thương yêu trợ cấp tiền bạc cho chàng xài nữa.

Vợ chồng Quang-Viên cũng thương hại cho thân phận Quế-Thành vô doan xấu phước. Gặp được một người vợ hiền, Quế-Thành lại không được làm bạn trăm năm, kết tóc đến già, thật là uổng quá. Quang-Viên nói:

— Cái số thằng Quế-Thành không thể nào khá được. Vợ nó chết, tôi chắc nó buồn rầu rồi trở lại con đường cũ. Minh coi, trước kia nó là một thằng hoang-dàng, không ai nói nó nghe, không ai dạy nó được, thế mà từ ngày nó ở với thím nó, thím nói gì nó nghe nấy, nó đổi hết tánh tình, đến tôi cũng phải khen nó.

« Con người ta ở đời, dầu say mê chơi bời thế nào, cũng có lúc tỉnh ngộ, muốn trở lại con đường ngay thẳng. Quế-Thành là đứa có lương-tâm, lúc nó cưới được thím nó, chính là lúc nó tỉnh ngộ, muốn thừa dịp gia đình đầm ấm mà cải ác tùng thiện, nhưng ông Trời lại ngăn trở nó, khiến cho thím nó chết đi, gieo cho nó một sự buồn rầu vô tận, tôi chắc thế nào nó cũng phải hoang-dàng lại nữa.»

Kiều-Nga cũng nói:

— Nếu mình có sự như vậy thì phải an ủi chủ, rán kiếm cho chủ một người vợ khác để lo công việc nhà cho chủ khỏi buồn rầu mà chơi bời lại.

— Tôi cũng tính như vậy, thế nào tôi cũng phải lo ngăn ngừa cho nó khỏi vì sự buồn rầu mà trở lại đường cũ.

Vợ chồng Quang-Viên thật có lòng thương em út và lo lắng cho em út nhiều lắm.

Em dâu chết, vợ chồng Quang-Viên lo chôn cất rất tử tế, hao tốn đến năm bảy trăm đồng bạc mà cũng không biết tiếc tiền. Khi chôn cất có tư Son rồi, Quang-Viên lại còn an ủi Quế-Thành, và bảo Kiêu-Nga đem con Quế-Anh về nuôi, cũng như lúc vợ chồng Khắc-Minh từ trần, cô đem con Kim-Anh về nuôi kia vậy.

Theo thế thường thiên-hạ, nếu rồi vợ mình chết sớm để con nhỏ lại, anh chị giàu có bắt cháu đem về nuôi, thì chắc ai cũng phải mừng rỡ lung lắm. Nhưng Quế-Thành lại khác hẳn!

Cái sự chàng cảm hơn Quang-Viên và vợ con Quang-Viên lâu nay, chàng vẫn còn ôm ấp mãi trong lòng chờ chưa rửa sạch. Lúc nào chàng được yên thân, vui vẻ, thì chàng bỏ đẹp nó lại một bên, hình như không có một chút ác cảm gì với anh chị chàng hết, nhưng đến lúc tâm sự ngổn ngang, buồn rầu dồn dập, thì chàng lại oán hơn anh chị, kiếm thế làm khổ tâm cực trí cho anh chị chàng mãi.

Quế-Thành không khi nào chịu gởi con Quế-Anh cho Kiêu-Nga nuôi giùm. Thuở nay chàng ghét Kiêu-Nga, nói tại Kiêu-Nga kẻ vạch với chồng, nên Quang-Viên mới giận chàng, làm hại chàng đủ cách.

Lúc có tư Son còn sống, có nhiều lần Quế-Thành trách móc anh chị, nhưng đều bị cô tư Son can ngăn khuyên giải êm hết. Có chăng những không cho Quế-Thành phiên trách anh chị, mà cô lại còn kiếm lời khôn khéo binh vực cho vợ chồng Quang-Viên, làm cho Quế-Thành phải nhận mình có lỗi, rồi trở lại thương yêu kính trọng anh chị tất tình.

Hôm nay có tư Son đã chết rồi, không còn ai phân đều phải trái cho Quế-Thành nghe nữa, thì đời nào chàng lại chịu giao con Quế-Anh cho Kiêu-Nga nuôi dẫu. Chàng nói với anh ruột:

— Anh chị có lòng thương con nhỏ tôi, tôi đội ơn nhiều lắm, song có lẽ nào tôi gởi nó cho anh chị cho đành. Vợ tôi mới mất, nhà cửa lạnh tanh, tôi đương nhớ thương rầu buồn vô hạn, may nhờ có con Quế-Anh, thấy mặt nó, chơi giỡn với nó cũng khuây khỏa nỗi sầu đôi chút.

« Nay nếu tôi gởi nó cho anh chị, thành ra nhà tôi không còn ai hết, tôi đi đâu về buồn hiu, tôi lại

HÃY HÚT THUỐC JOB

THÊU MÁY!

Lãnh dạy thêu máy.
Có bán đồ đồ phụ tùng về thêu máy (chỉ màu, bán cần, vân vân.)
M^{me} Trương-vân-Huân, 200 rue d'Espagne - Saigon

HÃY HÚT THUỐC JOB

phải bỏ nhà mà đi nữa, có phải là thiệt hại cho tôi lắm không?

« Không, anh chỉ có lòng thương cháu, tôi mang ơn, chứ không thể nào tôi rời nó ra được. »

Biết ý Quế-Anh không ưa vợ chồng mình nên kiếm cớ mà từ chối, Quang-Viên cũng giận lây nên nói:

— Cái đó là tùy ý em chứ anh không dám ép. Thấy em đơn chiet, sợ em mắc đi chỗ này chỗ kia, không thể chăm nom sóc cho con Quế-Anh được, nên anh mới tính đem nó về bên nhà cho sắp nhỏ giữ và bác nó coi chừng.

« Em không chịu thì thôi, nhưng anh khuyên em một điều là không nên đi chơi luôn tuồng mà bỏ con Quế-Anh, không đem nó đi đâu. »

Quang-Viên nói sơ như vậy rồi về, từ ấy trở đi không quên nhắc nhở đến việc ấy nữa.

Ba tháng sau, Quế-Anh đi ngày đi đêm, khi cơ bạc khi nguyệt hoa in nết như các năm trước. Chẳng phải con Quế-Anh cho đùa ở, nó đòi không lo, rạch rãnh chẳng biết, khiến cho vợ chồng Quang-Viên trông thấy mà xót ruột đau lòng.

Có lần gặp Quế-Anh, Quang-Viên vừa cười vừa nói:

— Bộ ở nhà chơi giỡn với con Quế-Anh không vui hay sao nên qua thấy em cứ đi chơi bởi hoài vậy?

— Ồ! nó còn nhỏ xíu, có biết khi gì? Tôi thương nó lắm, song ai ở nhà mãi với nó cho được. Nó đã không biết nói chuyện gì cho vui, mà mình nói nó cũng chưa hiểu gì hết. Nhà của tôi bây giờ buồn bức hơn hồi vợ tôi còn sống nhiều lắm.

— Vậy thì em hãy tính cưới vợ khác đi cho có người bầu bạn, sáng sóc con Quế-Anh và coi nhà coi cửa, lo cơm lo nước. Qua nói cho em biết, nếu em chịu hịu quanh một mình không kham thì hãy cưới vợ phứt đi, chứ nếu em không chịu cưới vợ mà cứ đi chơi bởi hoài thì qua phiền em lung lắm.

— Việc ấy anh hãy để cho tôi suy nghĩ lại một ít lâu rồi mới có thể nhứt định được. Anh khuyên tôi như vậy thiệt phải, tôi mang ơn anh vô cùng.

(Còn tiếp)

HÁY HÚT THUỐC JOB



Một món ăn
vừa lành, dễ tiêu
và bổ là:

BÁNH SỮA
PETIT GRUYÈRE
NESTLÉ

VẬY MỚI TÌNH !

(Tiếp theo)

Cúc-Hương ôm chồng khóc nức nở, cô ba Song-Kim cũng lấy khăn chấm nước mắt.

Hữu-Phước gương ngời dậy, nhưng gương không nổi, chàng nhẩn mặt, nắm tay Cúc-Hương, nói mấy tiếng nho-nho: « Tôi xin mình tha lỗi cho tôi » rồi chàng trợn mắt mà thác!

Cúc-Hương khóc rống lên, cô ba Song-Kim cũng vật vã khóc than, thầy tư Lợi hết sức khuyên giải hai người mới hết khóc.

Biết cô ba Song-Kim là người thù của mình, là người có chịu một phần trách-nhiệm trong sự chết của chồng mình đây, song sự đã đi rồi ra rồi, Cúc-Hương cũng chẳng thêm ghen tương nức nắn chỉ Song-Kim cho uống tiếng. Cô cứ ngồi một bên chồng, khi khóc, khi suy nghĩ lấy thân phận mình mà đợi cho trời mau sáng.

Sáng bữa sau, Cúc-Hương đánh dây-thép cho ông Thanh-Nhân, Hữu-Tâm, Văn-Anh và Trọng-Thiện hay tin chồng cô chết tại nhà-thương Chợ-rẫy. Một giờ trưa bốn người ấy lên tới, người lo mua hòm tẩm liệm, người lo xin phép đem xác về chôn tại làng Phước-lễ, Bãrja.

Chôn cất chồng rồi, Cúc-Hương trả phố, dọn hết đồ đạc về ở với ba cô, không nói rằng chỉ tới cô ba Song-Kim một tiếng, mà cô ba Song-Kim hình như cũng chẳng cần Cúc-Hương phải biết đến cô làm gì.

Hữu-Phước chết, anh em quen biết với chàng hoặc với Cúc-Hương dị nghị lung lắm. Người nói tại Hữu-Phước chơi bởi quá độ mà bỏ mình, người nói cô lẽ cô ba Song-Kim thuốc chàng để theo một người tình-nhân nào khác, hoặc cướp đoạt một số tiền của Hữu-Phước gởi cho cô cất.

Văn-Anh cũng nghi ngờ như đám anh em của Hữu-Phước. Chàng làm thông-ngôn sở Mật-tham, muốn đem cái tài độ dâm của mình ra mà tra xét vụ này, coi thiệt Hữu-Phước chết về bệnh hay là bị thuốc một cách kín đáo đến nỗi Lương-y cũng không thấu rõ.

Cúc-Hương về đến Bãrja mấy ngày, chưa kịp gặp mặt Văn-Anh thì chàng đã xách hoa-li trở lên Saigon. Chàng tính lên Saigon trước là tránh sự

gặp gỡ Cúc-Hương, sau là đề độ việc Hữu-Phước với cô ba Song-Kim luôn thề.

Văn-Anh ở trọ nơi khách-sạn Nam-kỳ trong hai tuần lễ, chàng đi chơi luôn tuồng, như là chàng gần gũi với các « ngôi sao » thường lắm.

Nay Văn-Anh ở nhà cô này, mai chàng đi chơi với cô khác, có nhiều anh em biết rõ tánh tình chàng, thấy chàng gần gũi với các cô giang hồ, lấy làm lạ quá. Thuở nay Văn-Anh không ưa các cô ấy, nghe ai nhắc nhở đến tên tuổi các cô, chàng còn chẳng muốn nghe, cơ sao ngày nay chàng lại say mê các cô như Tru-vương mê Đắc-Kỹ?

Tức quá, có người hỏi Văn-Anh, chàng chỉ cười mà không đáp lại.

Nửa tháng ở Saigon, Văn-Anh độ được việc ấy rất rõ, mà khi độ được rồi, chàng lại bắt ghê sợ cho cái lòng sâu dạ độc của cô ba Song-Kim hết sức.

Gặp Hữu-Phước, cô ba Song-Kim đem hết tài khôn trí khéo của cô ra mà hầu hạ chàng, làm cho chàng say mê cô, không thể rời cô ra một ngày nào được. Bây giờ cô mới khuyên Hữu-Phước đến hãng Bảo-kê nhơn mạng, bảo kê chàng 50 ngàn đồng, để cho cô đứng giấy, nếu ngày sau chàng chết về rủi ro hay về tật bệnh, cô cũng được lãnh số tiền ấy mà dưỡng già. Cô nói với Hữu-Phước:

— Mình nói rằng mình thương tôi cũng như chị hai (tức là Cúc-Hương) thì mình cũng phải cho tôi một số tiền lớn nhỏ chi mới phải. Ở đời có ai biết trước được sự sống chết của mình đâu? Mình còn sống, mình bảo bọc tôi đến già, sự ấy đã đành rồi, nhưng rủi—tôi nói rủi chứ không phải tôi rửa mình—nhưng rủi mình chết trước tôi, mình để gia tài sự nghiệp lại cho chị hai, chứ tôi là kẻ ăn cơm ngui, ở nhà ngoài, tôi có thể nào chia chát trong số tiền ấy được? Tôi nghĩ có cách bảo-kê nhơn mạng là hay hơn hết. Mình chết, chị hai

HÁY HÚT THUỐC JOB

ăn gia-tài, còn tôi lãnh số tiền bảo-kê, như vậy hai chị em chúng tôi đều có một số tiền riêng để nuôi thân, khỏi phải bơ vơ đói khát.

Nghe nói cũng có lý, và lại đang lúc say mê, Hữu-Phước liền làm y theo kế của cô ba Kinh-lý đã bày ra đó.

Hai người dắt nhau đến hãng Bảo-kê Việt-nam làm giấy tờ, Hữu-Phước là người đóng tiền, còn cô ba Song-Kim là người lãnh tiền sau khi tên Vô-hữu-Phước chết!

Từ ngày bảo-kê trở đi, cô ba Song-Kim lại khéo chịu chuộc Hữu-Phước gấp trăm ngàn lần trước. Cô bày cho chàng hút á-phiện, hít cocaine, dắt dần chàng đi chơi đêm nào cũng tới sáng đêm nấy. Cô lại tính một mình cô không thể làm cho Hữu-Phước say sưa mê một được, cô bèn mượn chị em bạn của cô, toàn là tay sắc nước hương trời, hoa cười ngọc thốt, mỗi đêm một cô, luân phiên nhau mà hầu hạ Hữu-Phước.

Một người chống với mười người, dầu Hữu-Phước là đàn ông, sức lực cũng không hơn mười người đàn-bà đặng. Ban đầu chàng xanh, ốm, sau chàng mệt nhọc, rồi cuộc sức cùng lực tận, một

trận gió thổi qua là cây đại thọ ngã!

Hữu-Phước lao tâm lao lực mà chết, cái chết tự nhiên chứ không phải bị ai thuốc hết. Cô ba Song-Kim đến hãng Bảo-kê lãnh 50 ngàn đồng, mua nhà mua phố, làm một bà nghiệp-chủ nho nhỏ ở đất Saigon!

Vấn-Anh dạo được việc ấy, chẳng thương hại cho Hữu-Phước thì ít, mà chàng tội nghiệp cho Các-Hương thì nhiều. Một người tài sắc khôn ngoan như Các-Hương, sao rui lại gặp một người chổng vô tâm vô tình như Hữu-Phước vậy?

Cô là người hiền đức, cô là người biết kính trọng chồng, nhưng cũng vì sự hiền đức, sự kính trọng chồng thời quá ấy, mà cô để cho người ta cướp đoạt cái ái-tình của cô, bán đứng chồng cô 5 muôn đồng bạc, thiệt cũng thâm lắm.

(Còn tiếp)

HÁY HÚT THUỐC JOB

DẦU TỪ-BI

hiệu con Trĩ

Tên dầu Từ-Bi và hiệu con Trĩ đã cầu chứng tại Tòa Saigon ngày 18 Décembre 1922 và đăng trong Quan-báo Paris năm 1923.



Dầu Từ-Bi là một thứ dầu rất thần hiệu ra đời đã 13 năm nay. Số người dùng dầu Từ-Bi càng ngày càng nhiều thêm cho nên từ đây chúng tôi có đặt Đại-lý trong các tỉnh thành lớn kể sau đây:

Các nhà Đại-lý dầu Từ-Bi:

PNOMPENH: Huỳnh-Trĩ, Rue Ohler	BENTRE: Văn-Vô-Vân
Id. Huỳnh-Hữu, 14, Rue Dela-porte	RACHGIA: Nguyễn-ngọc-Thái
HUẾ: Quan-Hải Thơ-quán	THUDAUMOT: Nguyễn-tấn-Xương
TOURANE: Lê-thừa-Ấn	BIENHOA: Dương-tấn-Thân
HANOI: Nam-ký Thơ-quán	GOCONG: Thái-ngọc-Bình
CANTHO: An-hà Ấn-quán	BACLIÊU: Đinh-Song
CHỢ LỚN: Võ-dinh-Dân	VINHLONG: Nguyễn-thành-Liêu
SADEC: Võ-dinh-Dinh	CHÂUDOC: Công-nghĩa-Thành
	MYTHO: Hà-phẩm-Chất

Giá bán lẻ khắp nơi mỗi ve 0 \$ 30

Quý vị ở xa xin mua nơi mấy nhà Đại-lý trên đây còn ở Saigon Cholon Gladinh thì mấy nhà buôn Annam và mấy hiệu café Đức-thành-Hưng đều có bán.



THAY CÙ ĐỔI MÓI

Hôm nay còn không mấy bữa nữa là hết năm Nhâm-thân bước qua năm Quý-dậu: trong chúng ta mỗi người đều mất hết một khoảng thời-gian 365 ngày của kiếp sống ngắn-ngủi của mình, mỗi người đều phải thọ lãnh thêm một tuổi trời nữa.

Mỗi ngày một lớn, mỗi năm một tuổi, trong lúc mọi người ở chung quanh mình ta đang rộn rục lo việc Tết nhứt mà vui mà buồn với nhau, tôi đây cũng có lòng lo lắm. Không phải tôi lo ăn Tết, mà tôi lo tuổi nhiều: tôi sợ tuổi tôi vậy!

Tôi nhớ lại năm nay tôi lãng phí thì giờ của tôi một cách vô lối quá, mà trong các bạn, chắc cũng có nhiều trò lãng phí ngày giờ như tôi.

Người ta nói một tắc bóng một tắc vàng (nhứt thốn quang-âm nhứt thốn kim); người tây cũng nói ngày giờ là tiền bạc (le temps c'est de l'argent) thế mà ngày giờ nó qua mau như chim bay tên bắn, các bạn có làm việc gì hữu ích cho cha mẹ, cho các bạn, kịp với ngày giờ ấy chẳng?

Trong một năm qua rồi, sự học hành của các bạn có tiến tới, các bạn có được lên lớp trên, dầu ọc các bạn có mở mang thêm chút nào chẳng?

Các bạn tuy hãy còn non lòng

trẻ tuổi, nhưng các bạn đều rõ biết bổn phận mình. Các bạn cứ làm cho tròn bổn phận ấy là các bạn không lãng-phí ngày giờ quý báu của các bạn đó.

Cái tuổi trẻ là tuổi đáng quý: chờ để lớn lên rồi, tuổi nhiều rồi, thấy mình vì thiếu học mà thua kém người ta, ăn năn muộn lắm.

Thiệt vậy, hồi tôi còn trẻ như các bạn, tôi không biết quý trọng ngày giờ, đến ngày nay tôi tiếc quá. Mà tôi tiếc cũng chẳng mua chuộc lại được chút nào.

Năm cũ hết, năm mới đến, nhơn vật phong cảnh trong trời đất đều thay cũ đổi mới hết, tôi ước ao các bạn cũng noi theo thời gian mà thay cũ đổi mới, để tấn bộ cho kịp người.

Đời cạnh tranh, mạnh được yếu thua, khôn sống mớng chết, các bạn nên mau chọn lựa bước trên rừng văn hiến học để thay thế cho đàn ạp sau này mà làm cho nước giàu dân mạnh là qui lắm.

MINH-NGUYỄN



Đàn bà có râu

Nếu ở nước nhà ta mà có người đàn bà nào có râu thì chắc ai cũng cho là lạ lắm. Nhưng bên Pháp, về tỉnh Lot et Garonne đàn bà có râu lại là một sự thường.

Phần nhiều đàn-bà họ để râu hoặc dài hoặc vắn theo như kiểu đàn-ông vậy. Có cô râu ria xồm xàm mà cặp tay với phu-quân mình mỗi cầm sát lềm không có sợ lòng nào cả.



Hiện giờ tại Dolmayrac có hai người đàn-bà mọc râu giống in-hệt như đực giâm-quốc Fallières và thủ-tướng Millerand.

Những người đàn-bà nào có râu như vậy thì tiếng tây kêu là Diabète; vì họ hay bình hoạn và làm mất vẻ đẹp thiên-nhiên của họ hết đi.

Các bác-sĩ đã kiểm coi bởi tại đâu mà đàn bà có râu; nhưng mỗi từ xưa tới nay các ông cũng còn để một cái dấu hỏi (?). — Đ.B.

CÔ THƠ-KY

của THANH-NGON

(Một căn phòng làm việc rộng rãi. Giữa có một bộ salon; phía sau, gần cửa có một cái bàn trên để cái máy đánh chữ. Kéo màn lên thấy ông Phan, bà Phan, và Việt-Sĩ đang ngồi tại phòng.)

SCÈNE I

Ông Phan. — Hôm nay trời thật là tốt đẹp, tôi tính đi viếng chùa. Mẹ nó đi lay Phật với tôi không?

Bà Phan. — (đay chõ khác trẻ em, nói riêng một mình)

Hử! Phật! Chùa! Ngày giờ đâu lo chuyện bá-láp, đôi dây không lo. (Nói với ông Phan) Ừ... thôi mình đi một mình đi, hôm qua tôi có gởi cho chị hai Mèo đem hương vào chùa dâng rồi! Hằng đêm tôi có niệm kinh luôn.

Việt-Sĩ (đay nói riêng). — Ừ, thiện-tâm lắm mà! Nghe niệm chớ, sao không!... Nam-mô-a-di... Đà ngừ... Nam-mô-a-di... Đà ngừ! (1)

Ông Phan. — Cũngặng... Ờ, mà mình bữa nay nấu đồ chay cho tôi dùng, nhen!

Bà Phan. — Bữa nay mười bốn, mai mới rằm, mình quên sao?

Ông Phan. — Thôi ăn chay bữa nay thế ngày mai dâng mà; bởi vì mai tôi phải đi dự đám cưới thằng Lương-Son.

Bà Phan (ngạc nhiên). — Mà... ơ... mà hồi này mình có ăn... hủ-tiểu rồi! (Thằng Tèo xô cửa vào).

Tèo. — Thưa bà, có cô nào đó muốn nói chuyện với bà.

Bà Phan. — Ờ, chắc là cô Bạch-Yến đến xin làm thơ-ký cho hàng mình. Mình đi ra trước với tôi?

Ông Phan. — Ồi, đàn-bà con gái thì tính toán với nhau, tôi không biết tới. Tôi chịu phát cho có đó mỗi tháng ba-mươi đồng, nhưng chưa-nhứt cũng phải đi làm việc, vì thơ-từ nhiều lắm, có phải đánh gởi đi cho kịp.

Thôi tôi đi chùa đã.

Việt-Sĩ. — Tôi cũng đi lên notaire hỏi cái acte hôm trước đó.

(Ông Phan và Việt-Sĩ đi. Cô Bạch-Yến vô tới).

SCÈNE II

Bà Phan. — Ờ, xin lỗi cô, tôi tính ra tiếp cô đây. Mời cô ngồi.

Bạch-Yến. — Thưa, chị Ba cháu ở trên Saigon có

(1) Phải nói « Nam-mô-a-di » cho thật rõ rồi ngừng ngang đoạn nói tiếp « Đà ngừ, Đà ngừ » to lên, vừa gặng giọng « hủ mới rõ chỗ dụng-ý trong chữ « Đà », — T. N.

gởi theo đây cho bà một bức thơ. (Trao thơ). Nhờ bà rộng lượng thương giùm thân phận cháu.

Bà Phan (Giọng người rất từ-bi). — Ờ, tôi hiểu, cô hãy an tâm về đó. Tôi thấy mấy cô gái đi làm việc tôi thương lắm, giúp đỡ cách nào là tôi giúp ngay.

Bạch-Yến. — Tuy nói đi xin số làm chớ cũng khó mà tranh chỗ lại với đàn-ông lắm, thưa bà. Đời khổ lắm, bà ơi!

Bà Phan. — Ờ... nên ông Phan nhà tôi bảo tôi trả cho cô bằng số lương với thầy ký đã thôi, nghĩa là mười-hai đồng mỗi tháng. (Cô Bạch-Yến gượng mình, nhưng bà Phan không thấy kịp). Song tôi vốn người hay làm phước, hay cúng chùa, tôi ăn chay, tôi niệm Phật...

Bạch-Yến (gật đầu một cách rất cung kính). — Dạ.

Bà Phan. — Nên tôi lên ông Phan nhà tôi mà cho cô lãnh mười-lăm đồng. Song cô đừng cho ông Phan hay ai khác biết da, tánh tôi không bao giờ chịu khoe-khoang những điều phước-thiện của tôi làm.

Bạch-Yến (gượng). — Dạ, cháu đời ơn bà.

Bà Phan. — Thôi, tôi mắc việc lắm, cô hãy coi thơ-từ nào đó đánh xong đi rồi ông Phan về sẽ ký tên.

Bạch-Yến. — Dạ, cảm ơn ơn bà, bà cứ để mặc cháu liệu.

Bà Phan (Đi lại cửa, nói riêng). — Vậy mới gọi công, dung, hạnh... Ngón chớ! Sơ sơ chút mà lợi được mười-lăm đồng. Đủ tiền đánh ít ra cũng hai sòng xỏ-hỏ. (Ra).

(Cô Bạch-Yến đánh máy đặt một chộp, kể lấy Việt-Sĩ về, mặt ngó chừng đáo dáo...)

SCÈNE III

Việt-Sĩ. — Thưa có hai.

Bạch-Yến. — Chào thầy; thưa thầy, em thứ năm.

Việt-Sĩ. — Có năm tới Nam-vang hỏi nào?

Bạch-Yến. — Dạ, vắng hơn tuần nay.

Việt-Sĩ. — Chẳng dám nào cô năm cho tôi biết nhà cô năm ở đâu có vắng?

Bạch-Yến. — 9, Boulevard Doudart de Lagrée.

Việt-Sĩ (Đay chõ khác, ra về rón nhớn vừa nói riêng một mình). — 9... 9... Boulevard Doudart de Lagrée... 9... 9... 9...

Bạch-Yến. — Thưa thầy, thăm đi đâu vắng?

Việt-Sĩ. — Có năm nói thăm nào?

Bạch-Yến. — Thím là... thím, thím là vợ thầy đó. (Hơi sượng nét mặt).

Việt-Sĩ. — Ah, jamais, jamais, cela. Tôi là người thờ chủ-nghĩa độc-thần mà. Còn cô năm thì sao?

Bạch-Yến (mặt tỏ vẻ thâm-sâu). — Thầy có phước quá. Riêng em xin thủ thật cùng thầy em mang chẳng biết bao nhiêu nỗi khổ-tâm thiệt-thòi chắt chừa nơi cõi lòng cũng bởi việc nhơn-duyên.

Việt-Sĩ (gật đầu). — À a a a a...

Bạch-Yến. — Ở Saigon cũng có lắm nơi gấm ghê muốn kết duyên trăm năm với em, nhưng bởi chưa gặp người tri-kỹ, người mà giọt máu cùng nhẩy một nhịp với quả tim em, nên em... (Ra về rón kiểng chữ « kieu »).

Việt-Sĩ. — ...Nên sống Ngàn còn đợi kẻ bắt cầu Ô-thước. (Nét mặt phát hân-hoan).

Bạch-Yến (Cười duyên). — Cảnh nào nuốt thế lương, khuê-phòng chích bóng, đời em khổ lắm đi thầy. Nên em đi làm cho khuấy-khỏa tâm lòng... Lại phần mỗi nợ... (thép).

Việt-Sĩ. — Ừ, cô năm có nợ nữa sao? Mà cô năm thiếu bao nhiêu?

Bạch-Yến. — Thưa bảy-mươi đồng, mà chiều nay phải trả tất, vì em đã hẹn nhiều lần. Em tính đợi ông Phan về mượn đỡ một trăm đồng, như không đúng chắc em phải... trốn.

Việt-Sĩ (Ra chiều ngờ ngẩn, nói lầm bầm). — Bảy mươi đồng... soixante-dix piastres, moins cent piastres, il reste trente. (Chắc lưỡi như tiểc gì lắm).

Bạch-Yến. — Dạ thưa thầy, chẳng dám nào em nhờ thầy....

Việt-Sĩ. — Được, được, tôi sẽ giúp cô năm. Trong nửa giờ trở lại sẽ có đủ số bạc cho cô năm ngay. Kiểu cô năm.

Bạch-Yến. — Dạ không, em đâu dám, em nhờ thầy là nhờ....

(Việt-Sĩ đã ra khỏi cửa, vừa khi ông Phan về tới, thấy cô Bạch-Yến, dòm dáo-dắt xung-quanh...)

SCÈNE IV

Ông Phan. — Chào quí-nương.

Bạch-Yến (Đứng dậy chấp tay cúi đầu). — Dạ, thưa ông.

Ông Phan. — Coi, ngồi, ngồi đi mà. Quí-nương gọi tôi bằng thầy vắng rồi. Ờ, mà quí-nương ngu há-phang?

Bạch-Yến. — Thưa, ông nói gì cháu nghe chưa rõ?

Ông Phan (Giọng nhõng-nhẻo, mơn-trớn). — Nửa, người ta bảo gọi thầy mà cứ kêu ông hoài he. Tôi muốn biết quí-nương ở đâu?

Bạch-Yến. — Em ở tại đường Doudart de Lagrée, số 9.

Ông Phan. — Quí-nương ở một mình chớ?

Bạch-Yến. — Dạ phải. Chẳng hay thầy có việc gì dạy bảo em?

Ông Phan (Hơi then). — Ơ... hỏi cho biết vậy mà! (Hai người lặng thinh một chặp)

Ông Phan. — Cô chưa có đôi bạn, ở một mình buồn quá chớ hơ?

Bạch-Yến. — Dạ.

Ông Phan. — Cô không lo tính việc vợ chồng sao?

Bạch-Yến. — Than ôi! Thân em như bèo bọt, ba chìm bảy nổi, cảnh đoạn-trường hỏi ai có cựa hữu giùm. Đất Saigon là bể trầm-luân của em: hai phen bị phường mèo mả gà đồng lường gạt, họ uốn ba tấc lưỡi mà đánh lừa thân gái. Em oán, em hận bọn trai lăm, bọn họ toàn là giả dối....

Ông Phan. — Ờ....

Bạch-Yến. — Nên bây giờ đây, ngón đàn đã rơi nhịp, em chỉ mong mỗi trao chút nén hương tàn cho kẻ cùng làm cảnh khổ-tâm như em về duyên phận.

Ông Phan (Hân-hoan, giọng dè). — Phải mà, tui trai giả dối lắm....

(Hai người lặng thinh một chặp)

Ông Phan. — Đi làm việc mà lại đánh máy như cô đây cực quá cô hơ!

Bạch-Yến. — Dạ... nhưng đã nghèo hèn lại mang nợ nần nên phải đi làm chớ biết sao giờ.

Ông Phan. — Cô thiếu bao nhiêu?

Bạch-Yến. — Thưa, bảy-mươi đồng, mà chiều nay nếu không trả thì chủ nợ sẽ kêu trường-tòa đến, vì em đã hẹn nhiều lần quá rồi... Khổ lắm thầy ôi, nên em tình nói với thầy...

Ông Phan. — Ồ vắng, vắng mà. Tôi sẽ giúp cô...

(Từ sau häng nghe tiếng bà Phan kêu: « Mademoiselle Bạch-Yến! »)

Bạch-Yến. — Oui, Madame, me voilà!

(Cô Bạch-Yến ra sau, một lát bà Phan vô tới).

SCÈNE V

Bà Phan. — Ừ, đi chùa nào mà chưa đầy nửa giờ đồng hồ đã trở về.

Ông Phan. — Ờ... Viếng miếu ông Tà.

Bà Phan. — Hử!

Ông Phan. — Mẹ nó này...

Bà Phan. — Gì đó nữa?

Ông Phan. — Tôi tình gởi bên Tây mua hai bộ đồ, giá lời bảy-mươi đồng.

Bà Phan. — Cha chả, đồ gì mất dữ vậy?

Ông Phan. — Drap!

Bà Phan (Ngực). — Hử, già mà còn diện!

PHU NU TAN VAN

Ông Phan. — Ê! nói ai diện. Mùa lạnh gần tới rồi, ai chịu thấu.

Bà Phan. — Không có tiền.

Ông Phan. — Cũng cái mừng đó nữa he, đừng có lên mặt bà đa nghen! Tiền tôi, tôi xài chớ.

Bà Phan (Giọng rất khó chịu). — Tiền ai? Không có mà tôi, ai làm gì có tiền lập ra cái hàng này? Ở, « thực lộc chi thế », khéo nói mà không biết mắc cỡ?

Ông Phan. — Thôi, đưa tiền đây đừng tôi phát lương cho cô Bạch-Yến.

Bà Phan (Càng la lớn lên). — Lương gì mà phát trước như vậy? À, Trời ơi, hèn gì... hèn gì...

Ông Phan. — Ê, mỗa biểu nín đa nghen!

(Tiếng cửa mở, hai người nín, Việt-Sĩ bước vào).

SCÈNE VI

Bà Phan. — Úa, notaire làm acte sao mau rồi vậy Việt-Sĩ. — Dạ... (Day qua ông Phan) À, anh Hai, này giờ tôi trông anh về. Tôi muốn gởi trên Saigon mua vài vốc lãnh may đồ mặc. Hôm trước tôi có gởi cho anh một trăm, vậy anh đưa lại cho tôi bây-mười đồng.

Bà Phan. — Lãnh gì? Tốt lắm sao?

Việt-Sĩ. — Lãnh Saigon tốt vô song.

Bà Phan. — Bây giờ chưa có tiền!

Việt-Sĩ (Nói với ông Phan). — Cui..... Anh Hai! Sao vậy?

Ông Phan. — À, mẹ nó nói nghe chương quá, tiền của em nó gởi thời phải đưa lại cho nó chớ.

Bà Phan. — Mà tôi nói chưa có tiền!

Việt-Sĩ (Hơi năn nỉ). — Tôi nghiệp chị Hai à! Tôi nói thiệt: tôi đã hứa cho cô Bạch-Yến mượn số bạc ấy rồi, nội ngày nay phải có.

Bà Phan. — À, Trời ơi, hèn gì... Anh cũng như em, em cũng như anh.

Việt-Sĩ (Gây). — Này chị Hai, tiền tôi gởi cho chị, chị cứ trả lại cho tôi. Tôi làm gì chị không đứng phép nói tới đa!

Bà Phan (Ngơ ngẩng đi ra sau, giọng nói còn nghe rang rang). — Hèn gì... Nhục chết, cái bọn dè xỏm!

SCÈNE VII

(Ông Phan và Việt-Sĩ ngồi nơi bàn, lặng thinh; có sẵn viết chì trong tay, ngẫu nhiên hai người cũng viết như nhau trên tập giấy của mình: « Mademoiselle Bạch-Yến, 9 Boulevard Doudart de Lagrée... 70 piastres... »)

Cứ viết bấy nhiêu mãi, một chập ông Phan dòm thấy trên tập của Việt-Sĩ, Việt-Sĩ cũng trông sang tập của ông Phan, rồi cả hai chùng hững...

Ông Phan. — Mademoiselle?...?

Việt-Sĩ. — Bạch-Yến?...?

Ông Phan. — 9 Boulevard Doudart de Lagrée?...?

Việt-Sĩ. — Bảy-mười đồng?...?

Ông Phan. — Té ra mấy cũng...

Việt-Sĩ. — Thế thì anh cũng...

(Tiếng guốc khua lớn, bà Phan trở vào, nét mặt giận dữ).

SCÈNE VIII

Bà Phan. — Thôi rồi, xui xẻo lắm này! (Ngó ông Phan và Việt-Sĩ một cách rất gay gắt.) Đẻ rồi coi, tốt lắm. Trời Đất ơi! (day ra sau gọi) Mademoiselle Bạch-Yến!

(Nghe tiếng trả lời gặng: « Ơi! » kể cô Bạch-Yến vào).

Bà Phan (gay gắt). — Bầm nữ-sĩ, tôi mượn nữ-sĩ đến làm việc nơi phòng giấy chớ không phải « diễn tuồng cải lương » trong phòng máy. Bầm nữ-sĩ...

Ông Phan. — Mẹ nó nói gì lạ vậy?

Bà Phan. — Cha chả, còn muốn binh nữa hả, mới tức thì đây nữ-sĩ nhà ta lên đây oán ca văn-thiên-tường, xuân-nữ, tương-tư... ăn nhip với anh chef atelier, coi cụp lạc quá!

Bạch-Yến. — Tôi cấm bà...

Bà Phan. — Tôi cũng cấm cô ở thêm một phút đồng-hồ trong hàng tôi. Cô hãy đi cho mau.

Bạch-Yến. — À, đi thì đi, ai cần ai. (Lấy khăn di, vừa liếc, cười duyên, làm cho ông Phan và Việt-Sĩ diện cả hồn, nhưng không dám ngó ngay cô, vì sợ bà Phan).

(Đang lúc ấy, ông Phan và Việt-Sĩ sợ quên chỗ ở của cô Bạch-Yến, nên lại bàn vò mảnh giấy viết khi này bỏ vào túi. Bà Phan thấy kịp, chạy lại giật trên tay ông Phan).

Bà Phan (Độc). — Bảy-mười đồng... Mademoiselle Bạch-Yến, 9 Boulevard Doudart de Lagrée... 9... (vò đầu). Trời ơi! Hèn gì, đàn ông con trai xấu như vậy hão đàn-bà con-gái đừng lang tâm sao đáng?

Ông Phan. — Ê, thôi trả miếng giấy lại cho mỗa chớ!

Bà Phan. — Ờ, phải chớ, lo lắm mà, kêu thợ khắc tẩm bản để: « Mademoiselle Bạch-Yến, 9 Boulevard Doudart de Lagrée », rồi treo lên giữa nhà cho đề nhớ. Có thơ-ký! Ôi là thơ-ký đàn-bà!!!

— MÀN —

Sách chơi xuân 1933
của HIỆU NAM-KỶ
sắp xuất bản

Năm nay có nhiều bài hay và vui.
Có nhiều hình đẹp. Ai cũng nên đón
xem.

Vừa được xinh đẹp và khỏi phải xa-xỉ,
nếu chừ tôn hãy mua hàng lựa hiệu

« CÁ - ÔNG »

Những hàng lựa của nhà

L. WEGELIN

đều nổi danh trong khắp cả toàn cầu.



Nơi các tiệm buôn bán hàng lựa lớn đều
có bán những thứ hàng trên đó.

Thằng nhỏ... rầy giầy

Một thằng nhỏ đứng góc chợ, rầy giầy cho đồng-bào hay rằng: mới phát minh được một cách « làm cho vật đáng-hỏi thành ra ngọt. Nhờ cách mới mẻ này mà Thuốc xỏ hiệu Nhành-Mai không còn mò đáng hỏi như trước nữa, ngâm vào miệng còn mò cũng không biết đắng, là vì mỗi viên thuốc nhỏ, đều có bao một lớp áo láng bột ngọt.

THUỐC-XỎ

hiệu Nhành-Mai hôm nay được đề uống như vậy, thì tôi chắc rằng không còn ai mà không uống nó là một món thuốc được nổi danh lung lay lâu nay. Thuốc có tài rửa ruột sạch cả còn trùng, lại kiềm và đâm độc đều bị thuốc lỏng lẻo ra cả. Có gỏi bán khắp cả Đông-Pháp, các Gare xe điện, tiệm có Nguyễn-thị-Kính. Mua ở nơi Nguyễn-văn-Phổ Boite postale n° 63 Saigon, giá 0\$20.

Nên dùng THUỐC DÁN hiệu Con-Rắn
Giá..... 0\$25

Bán hột xoàn có tiếng đã 20 năm nay.

XIN QUI BÀ QUI CÓ CHIẾU CỎ

O. M. IBRAHIM & C^{ie}

44, Rue Catinal, 44

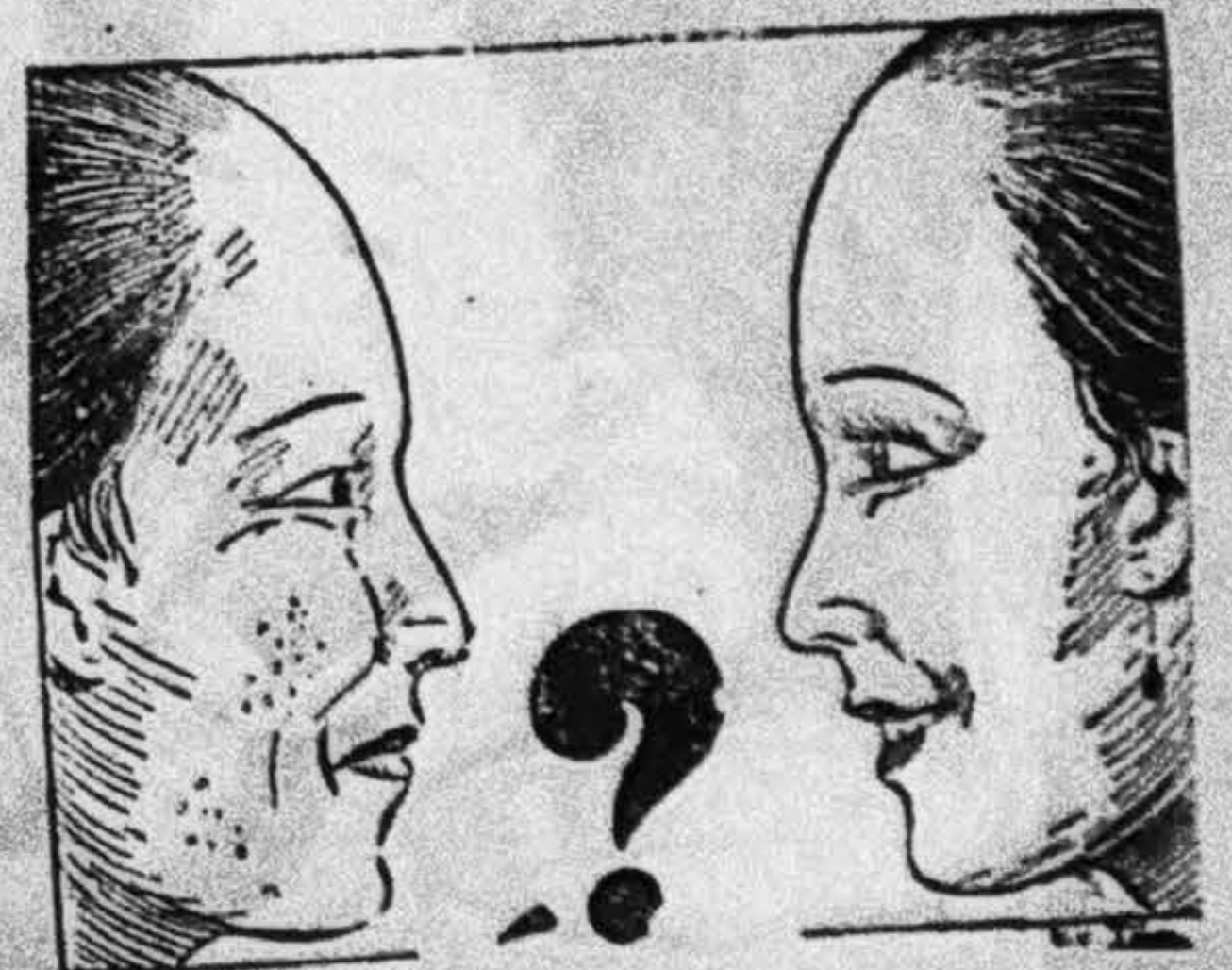
SAIGON

LỊCH BẢO-KÊ

Lịch 1933 của Bồn-xã in rất kỹ, ngày Tây, ngày Annam so với lịch Tây và lịch Tàu rất trùng, không trùng trả tiền lại, chớ chẳng phải như lịch một nhà kia mới coi ngoài carton ngày lễ gì mà trật gần hết. Thử lớn 5 màu 0\$60, thử nhỏ 2 màu 0\$45, ở xa thêm 0\$30 tiền gởi.

TIN ĐỨC-TÀU-XÃ

37-38, Sabourain, Saigon



Thưa các bà,

Nếu như mặt các bà có nứt rứt, có mụn, da mặt có vàng, nước da vàng và có mờ xanh rịn; tóc rụng lông mi mắt không dày; mắt không sáng sủa v... v...

Muốn trị những chứng đó, thì xin các bà dùng những đầu phần của Viên-Mỹ-Nhơn « KEVA » chế ra.

Nhiều bà đã dùng thử, đều làm chứng cho là thần hiệu. Tôi xem khỏi trả tiền. Xin catalogue, sẽ gởi cho, không lấy tiền.

Mme MOISAN

Viên-Mỹ-Nhơn Kéva

40, rue Chasseloup-Laubat, Saigon

Téléphone 733

Le Directeur Gérant: NGUYỄN-ĐỨC-NHUẬN